

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14118004 | Đổng Văn Bảo        | DH14CK  |        | 7     | 7,5       | 10        | 7    | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 14118007 | Võ Văn Cảnh         | DH14CK  |        |       | 6         | 8         | 8,5  | 7,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 14118109 | Đào Hữu Cảnh        | DH14CK  |        |       | 5         | 10        | 7    | 6,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 14118120 | Nguyễn Minh Cương   | DH14CK  |        |       | 7,5       | 10        | 6,5  | 6,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 14118016 | Phạm Tấn Đạt        | DH14CK  |        |       | 6         | 10        | 7    | 7,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 14118132 | Nguyễn Võ Trí Dương | DH14CK  |        |       | 5         | 10        | 6,5  | 6,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 14118158 | Vũ Văn Hiếu         | DH14CK  |        |       | 7,5       | 10        | 8    | 8,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 14118027 | Nguyễn Đại Hoàng    | DH14CK  |        |       | 5         | 10        | 6    | 6,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 14118177 | Phạm Ngọc Hưng      | DH14CK  |        |       | 7,5       | 10        | 6    | 6,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 11118010 | Seng Aloun Kaseuth  | DH11CC  |        |       | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 14118033 | Đặng Phú Khánh      | DH14CK  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 14118044 | Cao Hữu Nhân        | DH14CK  |        |       | 7,5       | 10        | 6    | 6,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 14118214 | Nguyễn Xuân Phát    | DH14CK  |        |       | 5         | 8         | 5,5  | 5,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 14118216 | Nguyễn Nhật Phi     | DH14CK  |        |       | 8,5       | 10        | 9    | 9              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 14118062 | Đỗ Văn Tàu          | DH14CK  |        |       | 7,5       | 10        | 7    | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04180



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118249 | Phạm Châu Thanh   | DH14CK  |        |       | 4         | 10        | 2,5  | 3,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14118272 | Phạm Đình Thuận   | DH14CK  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14118279 | Nguyễn Duy Toàn   | DH14CK  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 14118292 | Nguyễn Tấn Truyền | DH14CK  |        |       | 7,5       | 10        | 6,5  | 7              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14118313 | Hoàng Tuấn Vũ     | DH14CK  |        |       | 4         | 10        | 4,5  | 4,9            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán Bộ Cai Thi 1:

Cán Bộ Cai Thi 2:



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

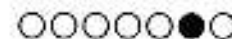
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV          | Tên Lớp | Chữ ký             | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------|---------|--------------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14118103 | Nguyễn Hoài Bảo       | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 6         | 6    | 6              | ○0123456789    | 0123456789 |
| 2   | 14118108 | Trần Văn Bốn          | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 5         | 10        | 7    | 6,9            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 3   | 14118122 | Nguyễn Cường          | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 10        | 4    | 5,2            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 4   | 14118123 | Nguyễn Ngọc Cường     | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 5,5       | 10        | 6    | 6,3            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 5   | 14118134 | Nguyễn Văn Đại        | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 10        | 7    | 7,1            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 6   | 14118025 | Lê Quang Hiền         | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 5         | 8         | 2    | 3,2            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 7   | 14118030 | Nguyễn Đức Huy        | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 8         | 4    | 4,8            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 8   | 12154119 | Nguyễn Đăng Khoa      | DH12OT  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 8         | 4,5  | 5,3            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 9   | 14118185 | Hoàng Nguyễn Anh Khoa | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 10        | 4,5  | 5,3            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 10  | 14118034 | Đinh Đức Kiên         | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 10        | 6    | 6,4            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 11  | 14118191 | Trần Hoài Linh        | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 10        | 5,5  | 6,4            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 12  | 14118205 | Trần Vũ Quý           | DH14CK  |                    |       |           |           |      |                | ●0123456789    | 0123456789 |
| 13  | 14118218 | Phạm Thanh Phong      | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 14  | 14118230 | Vô Văn Phước          | DH14CK  |                    |       |           |           |      |                | ●0123456789    | 0123456789 |
| 15  | 14118067 | Nguyễn Kiều Minh      | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 6         | 4,5  | 5,1            | ○0123456789    | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04261



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|----------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118266 | Phan Minh Thoại      | DH14CK  |        |       | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14118267 | Nguyễn Hoàng Thông   | DH14CK  |        |       | 8         | 8         | 4,5  | 3,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14118293 | Lê Văn Trùng         | DH14CK  |        |       | 5         | 10        | 5,5  | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 12118117 | Nguyễn Huỳnh Tú Uyên | DH12CC  |        |       | 6         | 10        | 5,5  | 6              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14118309 | Bùi Thanh Vinh       | DH14CK  |        |       | 4         | 6         | 8,5  | 7,3            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

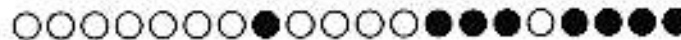
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ Chấm Thi 1:

Cán bộ Chấm Thi 2:





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01

Số Tín Ch 2

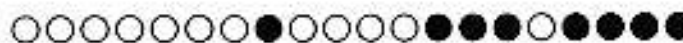
Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

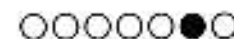
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14118102 | Hồ Chí Bảo       | DH14CK  |        |       | 9         | 10        | 5    | 6,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 14118138 | Nguyễn Văn Thành | Đặt     |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 14118013 | Bùi Tấn Dương    | DH14CK  |        |       | 7         | 10        | 6,5  | 6,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 14118131 | Lê Văn Dương     | DH14CK  |        |       | 7         | 8         | 7,5  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 14118155 | Huỳnh Cao Trung  | Hậu     |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 14118170 | Bùi Quang Huy    | DH14CK  |        |       | 3         | 6         | 2    | 2,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 12115291 | Văn Ngọc Mỹ      | Huyền   |        |       | 6         | 10        | 5    | 5,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 14118186 | Phạm Anh Khoa    | DH14CK  |        |       | 6         | 8         | 5    | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13115257 | Phạm Thị Như     | Liều    |        |       | 7         | 10        | 7,5  | 7,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 12344078 | Trần Đức Long    | CD12CI  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 14118198 | Mai Văn Minh     | DH14CK  |        |       | 9         | 8         | 8,5  | 8,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 14118204 | Nguyễn Tấn Tuấn  | Ngọc    |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 14118053 | Ngô Tấn Phúc     | DH14CK  |        |       | 3         | 10        | 6    | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 14118247 | Nguyễn Văn Tăng  | DH14CK  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 12154021 | Trần Văn Thăng   | DH12OT  |        |       | 6         | 6         | 8    | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04335



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118056 | Hoàng Phước Thiên | DH14CK  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14118284 | Nguyễn Đức Trọng  | DH14CK  |        |       | 2         | 6         | 5    | 4,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14118087 | Nguyễn Minh Tuấn  | DH14CK  |        |       | 7         | 10        | 3,5  | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 14118093 | Trần Phước Vinh   | DH14CK  |        |       | 3         | 10        | 5    | 5,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14118314 | Lương Trọng Vũ    | DH14CK  |        |       | 4         | 8         | 9,5  | 8,2            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Số bài: 68/80

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Họ tên bạn

Vương Đình Bằng

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thanh An

Cán bộ coi thi 2:

Phạm Quang

Thầy



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01**

Số Tín Ch 2

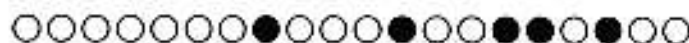
Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ  |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|-------------|
| 1   | 14118001 | Bùi Văn An        | DH14CK  | An     |       | 5         | 10        | 6,5  | 6,5            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 2   | 14118116 | Trương Chiến      | DH14CK  | chiến  |       | 8         | 10        | 8,5  | 8,5            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 3   | 14118141 | Trần Văn Diệp     | DH14CK  | Diệp   |       | 5         | 10        | 9    | 8,3            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 4   | 14138009 | Hoàng Văn Anh     | DH14TD  | Anh    |       | 9,5       | 10        | 6,5  | 7,4            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 5   | 14118128 | Nguyễn Văn Duy    | DH14CK  | Duy    |       | 8,5       | 10        | 7    | 7,6            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 6   | 14118166 | Vũ Văn Hòa        | DH14CK  | Hòa    |       | 5         | 10        | 4    | 4,8            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 7   | 14118168 | Nguyễn Thái Học   | DH14CK  | Học    |       | 8         | 10        | 6,5  | 7,1            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 8   | 14138018 | Nguyễn Hoàng Long | DH14TD  | Long   |       | 8,5       | 10        | 1,5  | 3,7            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 9   | 14138064 | Lê Đình Long      | DH14TD  | Long   |       | 9,5       | 10        | 5,5  | 6,7            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 10  | 14118210 | Nguyễn Minh Nhật  | DH14CK  | Minh   |       | 6,5       | 8         | 6,5  | 6,6            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 11  | 14118217 | Đỗ Thanh Phong    | DH14CK  | Phong  |       | 7,5       | 10        | 7,5  | 7,7            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 12  | 14118052 | Châu Hoàng Phúc   | DH14CK  | Phúc   |       | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 13  | 14118056 | Đinh Hồng Quân    | DH14CK  | Quân   |       |           |           |      |                | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 14  | 14118246 | Trần Văn Tài      | DH14CK  | Tài    |       | 7         | 8         | 8,5  | 8,1            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |
| 15  | 14118068 | Nguyễn Quốc Thiện | DH14CK  | Thiện  |       | 5,5       | 8         | 7    | 6,8            | ○○○1234567890  | ○○123456789 |



Mã nhận dạng 04404



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_01 - 001\_DH14CK\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20 % | Đ2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118069 | Nguyễn Văn Thiện | DH14CK  |        |       | 8,5        | 10         | 7    | 7,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14138113 | Trịnh Châu       | DH14TD  |        |       | 8,5        | 10         | 3    | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14118090 | Lê Văn Tùng      | DH14CK  |        |       | 5,5        | 10         | 8,5  | 8              | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14118095 | Nguyễn Quốc      | DH14CK  |        |       | 7          | 10         | 6,5  | 6,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14118315 | Trần Bá          | DH14CK  |        |       | 5,5        | 8          | 7    | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

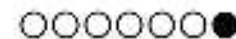
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

CBCT 2:





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tín Ch 2

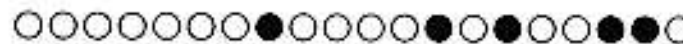
Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

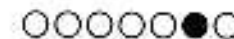
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13118078 | Trịnh Quốc Bảo     | DH13CK  | Bao    |       | 5         | 10        | 6    | 6,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 13118105 | Trần Tùng Dương    | DH13CK  | Duc    |       | 5         | 10        | 7    | 6,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 13115198 | Đinh Bá Hà         | DH13CB  | Hà     |       | 6         | 10        | 3,5  | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13118133 | Nguyễn Hoàng Hào   | DH13CK  | Hao    |       | 7         | 10        | 7    | 7,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13154027 | Nguyễn Lê Khoa     | DH13OT  | Khoa   |       | 7         | 10        | 4    | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 13115488 | Huỳnh Thị Ngọc Lai | DH13CB  | Lai    |       | 5         | 10        | 5,5  | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 13154030 | Phạm Văn Lâm       | DH13OT  | Lam    |       | 6         | 10        | 6,5  | 6,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13118250 | Bạch Đình Quyết    | DH13CC  | Quyet  |       | 7         | 10        | 6,5  | 6,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 14118239 | Vân Công Sĩ        | DH14CK  | Sy     |       | 5         | 8         | 5    | 5,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13118047 | Phạm Minh Tài      | DH13CK  | V V    |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 13334169 | Nguyễn Văn Tài     | CD13CI  | Tai    |       | 5         | 8         | 3,5  | 4,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13118276 | Đàm Minh Thái      | DH13CK  | Thai   |       | 5         | 10        | 6,5  | 6,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 14118264 | Nguyễn Xuân Thiệu  | DH14CK  | Thieu  |       | 7         | 10        | 3,5  | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13115115 | Vân Thị Hoàng Thư  | DH13CB  | Thu    |       | 6         | 10        | 6,5  | 6,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13334209 | Phạm Thành Tiên    | CD13CI  | Tien   |       | 5         | 10        | 4    | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04262



Trang 2/2

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV          | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13334222 | Từ Hữu Trí            | CD13CI  |        |       | 7         | 8         | 4    | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13115448 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | DH13CB  |        |       | 7         | 10        | 5,5  | 6,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13118319 | Nguyễn Huy Trung      | DH13CC  |        |       | 9         | 10        | 5,5  | 6,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13154065 | Nguyễn Văn Trung      | DH13OT  |        |       | 6         | 10        | 6    | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13118339 | Nguyễn Minh Tuyền     | DH13CK  |        | V     |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

SS: 18/20

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
Vương Đình Bằng

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

  
Phan Minh Hiền

CBCT 2:

  
Cao Đức Lý

CBCT 3:

  
Nguyễn Văn Tuấn Anh



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

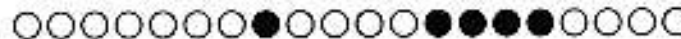
Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

| STT | Mô SV    | Họ và tên SV         | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên           | Tổ điểm lẻ          |
|-----|----------|----------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 1   | 13115148 | Nguyễn Đức Anh       | DH13CB  |        |       | 6         | 10        | 4    | 5              | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   | 13138027 | Bùi Minh Bảo         | DH13TD  | V      | V     |           |           |      |                | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   | 13137048 | Nguyễn Văn Đăng      | DH13NL  |        |       | 6         | 10        | 4,5  | 5,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4   | 13154012 | Nguyễn Văn Điền      | DH13OT  |        |       | 7         | 10        | 5    | 5,9            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   | 12344049 | Nguyễn Phước Hậu     | CD12CI  |        |       | 5,5       | 6         | 0    | 1,7            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   | 13138068 | Hoàng Minh Hiếu      | DH13TD  | V      | V     |           |           |      |                | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   | 14118188 | Trần Nguyễn Phương   | DH14CK  |        |       | 3         | 8         | 6    | 5,6            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   | 14118190 | Huỳnh Công Lân       | DH14CK  |        |       | 5         | 6         | 2,5  | 3,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   | 13118196 | Lê Văn Linh          | DH13CC  |        |       | 5         | 10        | 6    | 6,2            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  | 14118192 | Lê Thành Long        | DH14CK  |        |       | 7         | 10        | 5    | 5,9            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  | 14118221 | Nguyễn Thanh Phương  | DH14CK  |        |       | 6         | 10        | 8,5  | 8,1            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  | 13138166 | Ngô Nguyễn Minh Quân | DH13TD  |        |       | 2         | 6         | 6,5  | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  | 14118240 | Trịnh Văn Sơn        | DH14CK  |        |       | 8         | 10        | 3,5  | 5              | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  | 14118259 | Nguyễn Gia Thế       | DH14CK  |        |       | 5         | 8         | 3,5  | 4,2            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  | 14118280 | Nguyễn Minh Tri      | DH14CK  |        |       | 5         | 10        | 2    | 3,4            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |



Mã nhận dạng 04336



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH10NL (Đại học chính quy (Tín chỉ)-Công nghệ nhiệt lạnh-2010)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ  | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------|---------|--------|--------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 10137072 | Nguyễn Thành | Trung   | DH10NL | V      | V         |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14118294 | Nguyễn Phi   | Trường  | DH14CK | Trường | 5         | 10        | 3    | 4,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14118305 | Trương Thanh | Tùng    | DH14CK | Trương | 7         | 6         | 7,5  | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13118064 | Nguyễn Văn   | Ty      | DH13CK | V      | V         |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14118312 | Hà Thanh     | Vị      | DH14CK |        | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

SS: 16/20

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

hồ văn Nam

Vương Đình Bằng

CBQT 1:

  
Phạm Minh Hiền

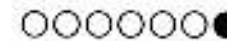
CBQT 2

  
Cao Đức Lợi  
Nguyễn Văn Tuấn Anh





Mã nhận dạng 04405



Trang 1/2

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV          | Tên Lớp | Chữ ký             | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------|---------|--------------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14118097 | Trần Lâm An           | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 8         | 7    | 7,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13118132 | Nguyễn Văn Hải        | DH13CK  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 8         | 4,5  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13154111 | Hoàng Ngọc Hoài       | DH13OT  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 10        | 4    | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13334077 | Đường Khoa Học        | CD13CI  | <i>[Signature]</i> |       | 6,5       | 10        | 6    | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13154126 | Nguyễn Vũ Khang       | DH13OT  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 10        | 8    | 8,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 14138071 | Nguyễn Thị Kiều Ngoan | DH14TD  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 10        | 7,5  | 7,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 14138072 | Nguyễn Vũ Nguyên      | DH14TD  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 10        | 9    | 8,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 12344186 | Huỳnh Duy Phát        | CD12CI  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 8         | 7    | 7,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 11158016 | Lê Văn Phùng          | DH11SK  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 10        | 7,5  | 7,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 14118236 | Nguyễn Văn Sang       | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 8         | 5,5  | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 14118245 | Nguyễn Văn Tài        | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 4         | 8         | 6    | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 12344197 | Nguyễn Thành Tâm      | CD12CI  | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 10        | 4    | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14138098 | Huỳnh Quốc Thông      | DH14TD  | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 10        | 3,5  | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13334205 | Võ Thái Thuận         | CD13CI  | <i>[Signature]</i> | V     |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 14118072 | Nguyễn Gia Thuật      | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 7         | 10        | 4,5  | 3,4            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04405



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|----------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118299 | Trần Anh Tuấn        | DH14CK  | V      | V     |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14118304 | Phạm Thanh Tùng      | DH14CK  | TW     |       | 6         | 10        | 6,5  | 6,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13154067 | Phạm Trinh Hoàng Văn | DH13OT  | N      |       | 6         | 10        | 4,5  | 5,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13115472 | Trần Thị Yến         | DH13CB  | g      |       | 6,5       | 10        | 8    | 7,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13115142 | Tô Tường Vy          | DH13CB  | g      |       | 6,5       | 10        | 4,5  | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

SS: 18/20

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

  
 Lê Văn Bân  
  
 Vương Đình Bấy

CBC 1:  
  
 Phan Minh Khu

CBC 2:  
  
 Cao Đức Lợi

CBC 3:  
  
 Nguyễn Văn Tuấn Anh



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

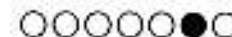
Lớp DH13OT (Công nghệ Kỹ thuật ô tô)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20 % | D2<br>10 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13154001 | Võ Trường An       | DH13OT  |        |       | 8          | 8          | 4    | 5,2            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 2   | 13118075 | Vũ Văn Anh         | DH13CC  |        |       | 9          | 10         | 3,5  | 5,2            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 3   | 13154002 | Bùi Tuấn Anh       | DH13OT  |        |       | 6          | 10         | 4    | 5              | ○0123456789    | 0123456789 |
| 4   | 13137015 | Phạm Thái Minh Bảo | DH13NL  |        |       | 10         | 10         | 4,5  | 6,1            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 5   | 14118117 | Lê Tiến Công       | DH14CK  |        |       | 6          | 6          | 3,5  | 4,2            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 6   | 13334048 | Ngô Huỳnh Đăng     | CD13CI  |        |       | 9          | 6          | 6,5  | 6,9            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 7   | 13115044 | Lương Ngọc Huy     | DH13GN  |        |       | 0          | 0          | 6    | 4,2            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 8   | 14118179 | Nguyễn Ngọc Kha    | DH14CK  |        | ✓     |            |            |      |                | ○0123456789    | 0123456789 |
| 9   | 14118189 | Nguyễn Tuấn Kiệt   | DH14CK  |        |       | 8          | 10         | 7    | 7,5            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 10  | 13115281 | Vũ Tấn Minh        | DH13GB  |        |       | 9          | 8          | 4,5  | 5,7            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 11  | 13115296 | Nguyễn Viết Ngọc   | DH13CB  |        |       | 6          | 6          | 5    | 5,3            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 12  | 13118033 | Phạm Đình Nguyên   | DH13CK  |        |       | 8          | 9          | 4    | 5,3            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 13  | 13118221 | Vũ Văn Nguyên      | DH13CK  |        |       | 6          | 10         | 3,5  | 4,6            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 14  | 13137097 | Đặng Nguyễn        | DH13NL  |        |       | 6          | 8          | 4    | 4,8            | ○0123456789    | 0123456789 |
| 15  | 12344105 | Bùi Văn Phú        | CD12CI  |        |       | 6          | 8          | 3    | 4,1            | ○0123456789    | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04181



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14CK\_02 - 001\_DH14CK\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118226 | Nguyễn Tấn Phước  | DH14CK  |        |       | 7         | 10        | 10   | 9,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14118223 | Phạm Hoàng Phương | DH14CK  |        |       | 6         | 10        | 7    | 7,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13118045 | Nguyễn Văn Sang   | DH13CK  |        |       | 8         | 10        | 5    | 6,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13114492 | Lê Đức Tây        | DH13CB  |        |       | 7         | 10        | 7    | 7,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14118268 | Nguyễn Nhật Thông | DH14CK  |        |       | 6         | 8         | 7    | 6,9            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

SS: 19/20

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

CBCT 2:

Nguyễn Văn Tuấn Anh



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện(207109) - DH14TD\_03 - 001\_DH14TD\_03**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **13/01/2016**

Phòng Thi **PV323**

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Sá | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|---------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14138037 | Hồ Minh A          | DH14TD  | <i>Minh A</i> |       | 5,5       | 10        | 7,5  | 7,3            | ○○○123456●89○  | ○12●456789 |
| 2   | 14138002 | Nguyễn Mạnh Cường  | DH14TD  | <i>Cường</i>  |       | 7         | 10        | 9    | 8,7            | ○○○1234567●9○  | ○123456●89 |
| 3   | 14138042 | Tô Đình Dân        | DH14TD  | <i>Dân</i>    |       | 5         | 10        | 8,5  | 7,9            | ○○○123456●89○  | ○12345678● |
| 4   | 14138047 | Lương Hồng Đông    | DH14TD  | <i>Đông</i>   |       | 9,5       | 6         | 4    | 4,1            | ○○○123●56789○  | ○●23456789 |
| 5   | 14138026 | Nguyễn Đức Hiếu    | DH14TD  | <i>Hiếu</i>   |       | 3,5       | 8         | 4    | 4,3            | ○○○12●56789○   | ○12●456789 |
| 6   | 14138011 | Nguyễn Chánh Hoàng | DH14TD  | <i>Hoàng</i>  |       | 3,5       | 10        | 4,5  | 4,8            | ○○○123●56789○  | ○123456789 |
| 7   | 14138058 | Nguyễn Đăng Khoa   | DH14TD  | <i>Khoa</i>   |       | 3,5       | 8         | 9    | 7,8            | ○○○123456●89○  | ○123456789 |
| 8   | 14138016 | Phạm Đăng Khôi     | DH14TD  | <i>Khôi</i>   |       | 5         | 10        | 6,5  | 6,5            | ○○○12345●789○  | ○123456789 |
| 9   | 14138061 | Nguyễn Đỗ Hùng Lâm | DH14TD  | <i>Lâm</i>    |       | 6,5       | 10        | 4,5  | 5,4            | ○○○1234●56789○ | ○123●56789 |
| 10  | 14138019 | Nguyễn Thành Luân  | DH14TD  | <i>Luân</i>   |       | 7,5       | 10        | 2    | 3,9            | ○○○12●456789○  | ○12345678● |
| 11  | 14118200 | Phạm Quang Nam     | DH14CK  | <i>Nam</i>    |       | 5         | 10        | 5,5  | 5,8            | ○○○1234●56789○ | ○123456789 |
| 12  | 14138068 | Võ Lê Hoài Nam     | DH14TD  | <i>Nam</i>    |       | 5,5       | 10        | 4,5  | 5,2            | ○○○1234●56789○ | ○1●3456789 |
| 13  | 14138021 | Trần Duy Nhân      | DH14TD  | <i>Nhân</i>   |       | 5,5       | 10        | 0,5  | 2,4            | ○○○123456789○  | ○123●56789 |
| 14  | 14138026 | Nguyễn Thanh Quang | DH14TD  | <i>Quang</i>  |       | 5         | 10        | 4    | 4,8            | ○○○123456789○  | ○123456789 |
| 15  | 14138027 | Phạm Nhật Quang    | DH14TD  | <i>Quang</i>  |       | 5         | 8         | 4,5  | 4,9            | ○○○123●56789○  | ○123456789 |



Mã nhận dạng 04337



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14TD\_03 - 001\_DH14TD\_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14138028 | Phan Văn Sỹ       | DH14TD  |        |       | 7,5       | 10        | 7    | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14138088 | Nguyễn Đăng Trung | DH14TD  |        |       | 8,5       | 10        | 6,5  | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14138032 | Lâm Văn Tiến      | DH14TD  |        |       | 6         | 10        | 6,5  | 6,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14115264 | Trần Anh Tuấn     | DH14GB  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14120111 | Võ Xuân Tùng      | DH14TD  |        |       | 6         | 8         | 5    | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
Vương Đình Bằng

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT1

  
Lê Quang Trí

CBCT2

  
Nguyễn Vũ Ngọc Thạch



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện(207109) - DH14TD\_03 - 001\_DH14TD\_03**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ              | Đ1<br>20% | Đ2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm 12 |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|--------------------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14138036 | Nguyễn Hữu Nguyễn | Chương  | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 5         | 10        | 8    | 7,6            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 2   | 14138003 | Vòng              | Cường   | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 5         | 10        | 2    | 3,4            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 3   | 14138008 | Lê Văn            | Dũng    | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 8         | 10        | 6,5  | 7,1            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 4   | 14138048 | Nguyễn Hữu        | Hải     | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 9         | 10        | 7,5  | 8              | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 5   | 14138051 | Lê Văn            | Hiếu    | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 7         | 10        | 4,5  | 5,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 6   | 14138012 | Nguyễn Duy        | Hoàng   | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 8         | 10        | 3    | 4,7            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 7   | 14138056 | Võ Thành          | Hưng    | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 7         | 10        | 7    | 7,3            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 8   | 14138057 | Nguyễn Triều      | Khang   | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 7         | 8         | 1,5  | 3,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 9   | 14138070 | Lê Thành          | Nghĩa   | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 8         | 10        | 5    | 6,1            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 10  | 14138020 | Lê                | Nghiêm  | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 8         | 10        | 7    | 7,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 11  | 14138073 | Nguyễn Thành      | Nhân    | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 8         | 10        | 7    | 7,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 12  | 14138022 | Bùi Thanh         | Phong   | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 5         | 10        | 6    | 6,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 13  | 14138078 | Võ Đại            | Phước   | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 5         | 10        | 6,5  | 6,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 14  | 14138083 | Nguyễn Hồng       | Sơn     | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 7         | 10        | 4,5  | 5,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 15  | 14138085 | Lê Hữu            | Tài     | DH14TD | <i>[Signature]</i> | 3         | 8         | 6    | 5,6            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |



Mã nhận dạng 04263



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14TD\_03 - 001\_DH14TD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14138096 | Nguyễn Công Thiện  | DH14TD  |        |       | 6         | 8         | 4    | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14138031 | Tổng Ngọc Anh      | DH14TD  |        |       | 8         | 10        | 7,5  | 7,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14138104 | Phan Văn Toàn      | DH14TD  |        |       | 5         | 10        | 0    | 2              | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14138106 | Nguyễn Trọng Trí   | DH14TD  |        |       | 8,5       | 10        | 9    | 9              | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14138109 | Nguyễn Thái Trường | DH14TD  |        |       | 5         | 10        | 5    | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
Vũ Ngọc Anh

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

  
Lê Quang Trí

CBCT 2

  
Nguyễn Võ Ngọc Thảo





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện(207109) - DH14TD\_03 - 001\_DH14TD\_03**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi PV323

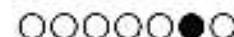
Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13118091 | Nguyễn Duy Cường | DH13CK  |        |       | 6,5       | 10        | 4,5  | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 14138007 | Sầm Văn Đạo      | DH14TD  |        |       | 7,5       | 8         | 5    | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 14138045 | Nguyễn Thành Đạt | DH14TD  |        |       | 6         | 10        | 6    | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13115190 | Trần Công Định   | DH13CB  |        |       | 6         | 10        | 6    | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 14138005 | Phạm Quốc Dũng   | DH14TD  |        |       | 6         | 6         | 2    | 3,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 14138043 | Phan Văn Dũng    | DH14TD  |        |       |           |           |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 14118022 | Nguyễn Mạnh Hải  | DH14CK  |        |       | 7         | 10        | 6    | 6,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13137053 | Cao Gia Hân      | DH13NL  |        |       | 7         | 8         | 4    | 5              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 14118159 | Phạm Tấn Hiệp    | DH14CK  |        |       | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13154021 | Trần Đức Hiếu    | DH13OT  |        |       | 6         | 10        | 4    | 5              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 14138014 | Trần Quang Khải  | DH14TD  |        |       | 6,5       | 8         | 6,5  | 6,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13154135 | Nguyễn Tấn Lâm   | DH13OT  |        |       | 6         | 10        | 7,5  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 14138017 | Trần Đức Lâm     | DH14TD  |        |       | 5         | 10        | 4,5  | 5,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13118214 | Trần Hoài Nam    | DH13CK  |        |       | 6,5       | 6         | 6,5  | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13138129 | Trương Văn Ngọc  | DH13TD  |        |       | 5         | 8         | 6    | 6              | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04182



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện(207109) - DH14TD\_03 - 001\_DH14TD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|---------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14138024 | Phạm Hoàng Phúc  | DH14TD  | <i>Phúc</i>   |       | 6         | 10        | 3    | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14138077 | Vũ Văn Phương    | DH14TD  | <i>Phương</i> |       | 6         | 10        | 4    | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14138091 | Đương Thanh Thảo | DH14TD  | <i>Th</i>     |       | 5         | 10        | 8    | 7,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14138100 | Nguyễn Văn Tình  | DH14TD  | <i>NV</i>     |       | 7,5       | 10        | 6,5  | 7              | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14138034 | Nguyễn Minh Trí  | DH14TD  | <i>Trí</i>    |       | 6         | 8         | 3,5  | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

CBCT 2

*Le Quang Chi*

Lê Quang Chi

*Ngô Vũ Ngọc Thạch*

Ngô Vũ Ngọc Thạch



### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH3CC 01 - 001 DH3CC 01

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi            18/01/2016

Phong Thi PV325

Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký                                                                              | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>30 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13118074 | Võ Đặng Phạm Anh   | DH13CC  |    |       | 10         | 4,7        | 6    | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13154005 | Lưu Công Chi       | DH13OT  |    |       | 10         | 7,8        | 3,5  | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13118101 | Đoàn Quốc Dũng     | DH13CC  |    |       | 10         | 8,4        | 4    | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13118120 | Trần Cư Được       | DH13CC  |    |       | 10         | 6,5        | 6,5  | 6,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 14137024 | Nguyễn Đức Dương   | DH14NL  |    |       | 5          | 6,5        | 4,5  | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13118132 | Nguyễn Văn Hải     | DH13CK  |    |       | 10         | 6          | 3    | 4,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13118133 | Nguyễn Hoàng Hải   | DH13CK  |    |       | 10         | 6,5        | 1,5  | 3,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13154020 | Đậu Ngọc Hiền      | DH13OT  |   |       | 10         | 8,3        | 2,5  | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13118019 | Vũ Xuân Hoàng      | DH13CC  |  |       | 10         | 8,7        | 6    | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13137068 | Lê Văn Hùng        | DH13NL  |  |       | 5          | 8,3        | 2,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118030 | Trần Quốc Nam      | DH13CK  |  |       | 5          | 6,9        | 9    | 8              | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13137110 | Nguyễn Minh Phúc   | DH13NL  |  |       | 10         | 6,5        | 4    | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13118239 | Huỳnh Vũ Phương    | DH13CK  |  |       | 10         | 8,3        | 8,5  | 8,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13154158 | Nguyễn Hoài Phương | DH13OT  |  |       | 10         | 4,4        | 1,5  | 3,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 14138077 | Võ Văn Phương      | DH14TD  |  |       | 10         | 9,2        | 3,5  | 5,9            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04264



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_01 - 001\_DH13CC\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13137119 | Nguyễn Hải Sơn    | DH13NL  |        |       | 10        | 4,2       | 1,5  | 3,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14138098 | Huỳnh Quốc Thông  | DH14TD  |        |       | 10        | 7,4       | 4,5  | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13118347 | Mai Hoài Tuyền    | DH13CC  |        |       | 10        | 5,7       | 5    | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14118089 | Nguyễn Nhật Tuyền | DH14CC  |        |       | 10        | 6,5       | 2    | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13115135 | Dương Thu Uyên    | DH13CB  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

\_\_\_\_\_

CB GT 1:

CB GT 2:





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_01 - 001\_DH13CC\_01**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV325

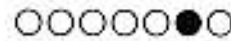
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>30% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13118080 | Nguyễn Phúc Bạo    | DH13CC  |        |       | 5         | 9,6       | 5    | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13118081 | Trần Thế Bình      | DH13CC  |        |       | 10        | 7,4       | 4,5  | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13154078 | Nguyễn Thái Bình   | DH13OT  |        |       | 5         | 7,8       | 5    | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 14138043 | Phan Văn Dũng      | DH14TD  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13334042 | Nguyễn Triệu Dương | CD13CI  |        |       | 5         | 6,9       | 4,5  | 5,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13118096 | Mai Thành Duy      | DH13CC  |        |       | 10        | 7,4       | 4    | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 14153037 | Lê Trung Nhân      | DH14CD  |        |       | 10        | 6,9       | 3,5  | 5,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13118038 | Trần Cảnh Phú      | DH13CC  |        |       | 10        | 6,9       | 2    | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 14158100 | Trần Minh Phụng    | DH13SK  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 14153336 | Trịnh Ngọc Phương  | DH13CB  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 14138091 | Dương Thanh Thảo   | DH14TD  |        |       | 5         | 0         | 1    | 1,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 11158037 | Nguyễn Quốc Thịnh  | DH13SK  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13138217 | Nguyễn Đức Tiến    | DH13TD  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13334215 | Phạm Minh Toán     | CD13CI  |        |       | 5         | 6,6       | 1    | 3,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13137151 | Lê Minh Trí        | DH13NL  |        |       | 10        | 8,3       | 1,5  | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04183



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_01 - 001\_DH13CC\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>30% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13118318 | Nguyễn Đức Trung | DH13CC  |        |       | 5         | 10        | 4    | 5,9            | ○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧●  |
| 17  | 13334236 | Phạm Minh Tú     | CD13CI  |        |       |           |           |      |                | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 18  | 13118359 | Vũ Gia Vy        | DH13CK  |        |       |           |           |      |                | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

  
 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
 Nguyễn Lê Cường

Cán Bộ Chấm Thi 2

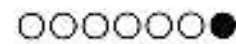
CBGT 1:

  
 Nguyễn Lê Tường

CBGT 2:

  
 Nguyễn Văn Tuấn Anh





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_01 - 001\_DH13CC\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV          | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13118078 | Trịnh Quốc Bảo        | DH13CK  | Bảo    |       | 10        | 6,5       | 0    | 3              | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13118092 | Phạm Hùng Cường       | DH13CC  | Cường  |       | 5         | 7,4       | 0    | 2,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13118105 | Trần Tùng Dương       | DH13CK  | Dương  |       | 10        | 7,4       | 1    | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13118159 | Tịnh Nguyễn Minh Duy  | DH13CC  | Duy    |       | 10        | 6,5       | 5,5  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13118164 | Nguyễn Hoàng Cường    | DH13NL  | Cường  |       | 10        | 6,9       | 4,5  | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13118014 | Bùi Văn Hào           | DH13CC  | Hào    |       | 10        | 7,8       | 5    | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13334070 | Thái Minh Hiệp        | CD13CI  | Hiệp   |       | 10        | 6,5       | 5,5  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13118146 | Nguyễn Quốc Hòa       | DH13CC  | Hòa    |       | 10        | 6,9       | 4,5  | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13137081 | Vũ Đình Nguyên Khương | DH13NL  | Khương |       | 10        | 6         | 4,5  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13118221 | Vũ Văn Nguyên         | DH13CK  | Nguyên |       | 10        | 6,9       | 0    | 3,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118037 | Nguyễn Nhật           | DH13CC  | Nguyễn |       | 10        | 6,9       | 2,5  | 4,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13137103 | Nguyễn Tăng Phát      | DH13NL  | Phát   |       | 10        | 7,5       | 5    | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13118047 | Phạm Minh Tài         | DH13CK  | Tài    |       | 10        | 6,9       | 1    | 3,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13154051 | Ngô Tấn Tài           | DH13OT  | Tài    |       | 10        | 7,4       | 3,5  | 5,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 14115240 | Võ Thị Ngọc Thắm      | DH14GB  | Thắm   |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04338



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_01 - 001\_DH13CC\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13137130 | Lương Tấn Thịnh | DH13NL  |        |       | 5         | 5,6       | 2    | 3,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13118306 | Nguyễn Chu Toàn | DH13CC  |        |       | 10        | 6         | 1    | 3,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14115148 | Võ Thành Tuấn   | DH14GB  |        |       | 10        | 6         | 3    | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13115479 | Phạm Quốc Vũ    | DH13GB  |        |       | 10        | 6,5       | 3    | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13115479 | Phạm Quốc Vũ    | DH13GB  |        |       | 10        | 6,6       | 5    | 6              | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

CB GT: 1:

CB GT: 2:



## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_02 - 001\_DH13CC\_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

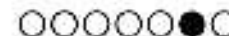
Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>30% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13115144 | Hoàng Đông A      | DH13CB  |        |       | 10        | 7.5       | 4    | 5.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 13118004 | Nguyễn Thế Bảo    | DH13CC  |        |       | 10        | 7.8       | 5    | 6.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 13118110 | Phạm Minh Đại     | DH13CC  |        |       | 10        | 6.5       | 6.5  | 6.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13154017 | Nguyễn Văn Hậu    | DH13OT  |        |       | 5         | 7.4       | 3    | 4.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13154021 | Trần Đức Hiếu     | DH13OT  |        |       | 10        | 7.8       | 2.5  | 4.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 12154087 | Mã Nhật Huy       | DH12OT  |        |       | 5         | 6.3       | 1    | 3              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 13137073 | Nguyễn Hùng Khang | DH13NL  |        |       | 5         | 6.9       | 5    | 5.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13115291 | Trương Thành Nghị | DH13CB  |        |       | 10        | 6.5       | 6    | 6.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13153176 | Huỳnh Nguyễn Phúc | DH13CD  |        |       | 10        | 7.1       | 1    | 3.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13154047 | Hà Anh Quân       | DH13OT  |        |       | 10        | 7.8       | 1    | 3.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 13118250 | Bạch Đình Quyết   | DH13CC  |        |       | 10        | 6.9       | 4.5  | 5.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13118044 | Nguyễn Như Quỳnh  | DH13CK  |        |       | 5         | 4.8       | 3    | 3.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 13118267 | Trương Minh Tâm   | DH13CC  |        |       | 10        | 8.7       | 3    | 5.4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13154056 | Võ Hoàn Thiện     | DH13OT  |        |       | 10        | 5.3       | 0    | 2.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13118298 | Nguyễn Văn Tiến   | DH13CC  |        |       | 10        | 7.8       | 3.5  | 5.4            | 0012345678910  | 0123456789 |

PS 1



Mã nhận dạng 04184



Trang 2/2

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_02 - 001\_DH13CC\_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13334212 | Lâm Quốc Tiến    | CD13CI  |        |       | 5          | 5,6        | 1    | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13118334 | Nguyễn Duy Tuấn  | DH13CC  |        |       | 10         | 8,7        | 7    | 7,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 12118108 | Lê Quang Tường   | DH12CK  |        |       | 10         | 6,6        | 0    | 3              | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13153261 | Trương Văn Tuy   | DH13CD  |        |       | 10         | 8,5        | 4    | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13154070 | Nguyễn Văn Hoàng | DH13CT  |        |       |            |            |      |                | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Hp: 19 V: 1

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Sĩ Cường

Cán Bộ Chấm Thi 2

BC1

Nguyễn Văn Ngọc Trách

BC2

N.T. Dũng





## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_02 - 001\_DH13CC\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký             | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13115024 | Nguyễn Thanh Diệp | DH13CB  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 6,9       | 1    | 3,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13138263 | Hạp Tiến Hoàng    | DH13TD  | <i>[Signature]</i> |       | 5         | 6,8       | 4    | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13118162 | Huỳnh Đức Hùng    | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 7,4       | 4    | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13118162 | Huỳnh Đức Hùng    | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 7,4       | 5    | 6,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13118162 | Huỳnh Đức Hùng    | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 7,1       | 3    | 4,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13137085 | Nguyễn Thanh Long | DH13NL  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 5,3       | 2    | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13137097 | Đặng Nguyễn       | DH13NL  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 6,5       | 1,5  | 3,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13138152 | Hoàng Xuân Phú    | DH13TD  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 6,6       | 5,5  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13138165 | Mãn Hồng Quân     | DH13TD  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 8,4       | 4,5  | 6,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13118257 | Vũ Tuấn Sơn       | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 7,1       | 3    | 4,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118266 | Huỳnh Thanh Tâm   | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 7,8       | 9    | 8,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13153020 | Hồ Hoàng Tâm      | DH13CD  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 8,3       | 3,5  | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13154053 | Hà Chí Thanh      | DH13OT  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 6,5       | 2    | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13334205 | Vũ Thái Thuận     | GD13CI  |                    |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13118313 | Đặng Xuân Trọng   | DH13CK  | <i>[Signature]</i> |       | 10        | 5,3       | 5    | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04339



Trang 2/2

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_02 - 001\_DH13CC\_02**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi **18/01/2016**

Phòng Thi **PV323**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>30 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13118317 | Lê Quốc Trung    | DH13CK  |        |       | 10         | 6,9        | 4,5  | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13118364 | Trương Công Hoài | DH13CK  |        |       | 10         | 7,4        | 8,5  | 8,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13118323 | Bùi Văn Truyền   | DH13CC  |        |       | 10         | 6,2        | 4    | 5,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13118157 | Trần Nhật Tú     | DH13CK  |        |       | 10         | 9,6        | 4    | 6,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13118157 | Trần Nhật Tú     | DH13CK  |        |       | 10         | 6,2        | 4    | 5,3            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

HD: 16 Y: 1

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

Nguyễn Văn Ngọc Thạch

CBCT 2

N.T. Dũng



## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_02 - 001\_DH13CC\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

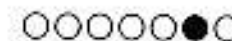
Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14154007 | Nguyễn Thành Công | DH14OT  | Công   |       | 10        | 7,8       | 3    | 5,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13118009 | Nguyễn Văn Dư     | DH13CC  | Dư     |       | 10        | 6,5       | 4,5  | 3,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13153059 | Nguyễn Quốc Dũng  | DH13CD  | Quốc   |       | 10        | 7,8       | 3    | 5,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 14118021 | Đỗ Kỳ Hà          | DH14CC  | Hà     |       | 10        | 8,4       | 5,5  | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13118138 | Nguyễn Văn Hiếu   | DH13CC  | Hiếu   |       | 10        | 8,3       | 4    | 5,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13118147 | Nguyễn Thái Hòa   | DH13CK  | Thái   |       | 10        | 8,7       | 4,5  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13153121 | Võ Thị Kim Hương  | DH13CD  | Hương  |       | 5         | 6,5       | 4    | 4,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13118156 | Đỗ Minh Huy       | DH13CK  | Huy    |       | 10        | 4,7       | 3,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13118191 | Nguyễn Tùng Lâm   | DH13CK  | Tùng   |       | 10        | 7,4       | 8    | 8              | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13118196 | Lê Văn Linh       | DH13CC  | Linh   |       | 10        | 7,8       | 4,5  | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118197 | Nguyễn Chí Linh   | DH13CK  | Linh   |       | 10        | 6         | 9,5  | 8,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13118046 | Kim Thái Sơn      | DH13CC  | Sơn    |       | 10        | 7,4       | 6    | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13118278 | Huỳnh Ngọc Thạch  | DH13CC  | Thạch  |       | 10        | 7,4       | 8    | 8              | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13118301 | Lê Đức Tin        | DH13CC  | Tin    |       | 10        | 3,3       | 1    | 2,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13118308 | Phạm Văn Tráng    | DH13CC  | Tráng  |       | 10        | 6,9       | 9    | 8,5            | 001234567890   | 0123456789 |

083



Mã nhận dạng 04265



Trang 2/2

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13CC\_02 - 001\_DH13CC\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>40% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13118326 | Nguyễn Nhật Trường | DH13CC  |        |       | 5         | 7,8       | 2    | 4              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13137003 | Nguyễn Tuấn Tú     | DH13NL  |        |       | 5         | 7,8       | 3    | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13137155 | Nguyễn Thanh Tuấn  | DH13NL  |        |       | 5         | 8,3       | 2    | 4,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13153260 | Nguyễn Huy Tuệ     | DH13CD  |        |       | 10        | 6,9       | 3    | 4,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13118349 | Dương Đức Vinh     | DH13CC  |        |       | 10        | 8,3       | 8,5  | 8,6            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

HD: 20 V: 0

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT1

Nguyễn Ngọc Thạch

CBCT2

W.T. Dũng





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13NL\_06 - 001\_DH13NL\_06

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>30 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13154075 | Nguyễn Hồng Bảo     | DH13OT  |        |       | 10         | 9,6        | 7    | 8,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13137048 | Nguyễn Văn Đăng     | DH13NL  |        |       | 10         | 7,4        | 3,5  | 5,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13154106 | Phan Văn Hậu        | DH13OT  |        |       | 10         | 9,2        | 7    | 8              | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13118135 | Trần Tuấn Hiền      | DH13CK  |        |       | 10         | 8,7        | 8,5  | 8,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13137058 | Mai Hoàng Hiệp      | DH13NL  |        |       | 10         | 7,8        | 5,5  | 6,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13118017 | Trần Văn Hiệu       | DH13CK  |        |       | 10         | 7,1        | 4    | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13154029 | Huỳnh Vũ Kiệt       | DH13OT  |        |       | 5          | 7,1        | 4    | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13118024 | Ngô Minh Lan        | DH13CK  |        |       | 10         | 6,9        | 8    | 7,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 12154166 | Đinh Văn Lợi        | DH12OT  |        |       | 10         | 6          | 3,5  | 4,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13334114 | Nguyễn Thành Luân   | CD13CI  |        |       | 5          | 0          | 3    | 2,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118033 | Phạm Đình Nguyên    | DH13CK  |        |       | 10         | 7,5        | 2    | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14153108 | Nguyễn Thành Nhân   | DH14CD  |        | ✓     |            |            |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13137105 | Nguyễn Thanh Phong  | DH13NL  |        |       | 10         | 7,4        | 1    | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13154167 | Nguyễn Trần Anh Sơn | DH13OT  |        |       | 10         | 8,3        | 4    | 5,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13118275 | Đặng Anh Thảo       | DH13CK  |        |       | 10         | 8,3        | 3    | 5,3            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04185



Trang 2/2

**Bảng Ghi Điểm Thi****Điểm thi học kỳ**

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13NL\_06 - 001\_DH13NL\_06

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13154060 | Nguyễn Lâm Thuận | DH13OT  |        |       | 5         | 6,5       | 3    | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13154065 | Nguyễn Văn Trung | DH13OT  |        |       | 10        | 6,9       | 2    | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13137156 | Dương Minh Tú    | DH13NL  |        | ✓     |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13118062 | Nguyễn Minh Tùng | DH13CK  |        | ✓     |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14138111 | Võ Xuân Tùng     | DH14TD  |        |       | 10        | 8,3       | 2    | 4,7            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

SL: 17/20

Xác nhận của Bộ Môn

  
 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
 Nguyễn Lê Tường

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi 1

Cao Đức Lợi

Cán bộ coi thi 2

Lê Khắc Quý



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13NL\_06 - 001\_DH13NL\_06

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>50% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ    |
|-----|----------|--------------------|---------|--------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|---------------|
| 1   | 14153067 | Nguyễn Khắc Bông   | DH14CD  | <i>Bông</i>  |       | 10        | 0         | 2    | 2,2            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○●●●●●●●●●●  |
| 2   | 13137026 | Nguyễn Minh Châu   | DH13NL  | <i>Châu</i>  |       | 10        | 6,9       | 4,5  | 5,8            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 3   | 13154083 | Phan Văn Châu      | DH13OT  |              | ✓     |           |           |      |                | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 4   | 13137027 | Nguyễn Đình Dũng   | DH13NL  | <i>Dũng</i>  |       | 10        | 6,5       | 3,5  | 5,1            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○●●●●●●●●●●  |
| 5   | 13137028 | Nguyễn Đình Dũng   | DH13NL  | <i>Dũng</i>  |       | 10        | 7,8       | 4,5  | 6              | ○○○●●●●●●●●●●  | ●○○●●●●●●●●●● |
| 6   | 13137041 | Trần Ngọc Dũng     | DH13NL  | <i>Dũng</i>  |       | 10        | 6,9       | 3,5  | 5,2            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 7   | 13137055 | Nguyễn Thanh Hiền  | DH13NL  | <i>Hiền</i>  |       | 10        | 7,8       | 9    | 8,7            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 8   | 14153085 | Huỳnh Thanh Hoài   | DH14CD  | <i>Hoài</i>  |       | 10        | 7,4       | 5    | 6,2            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 9   | 13137069 | Nguyễn Mạnh Hùng   | DH13NL  | <i>Hùng</i>  |       | 10        | 7,5       | 6,5  | 7,2            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 10  | 13118021 | Lương Phan Bá Khỏe | DH13CK  | <i>Khỏe</i>  |       | 10        | 6,9       | 2    | 4,3            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 11  | 13137096 | Lưu Thuận Ngón     | DH13NL  | <i>Ngón</i>  |       | 10        | 6,5       | 4,5  | 5,7            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 12  | 13137109 | Bùi Văn Phúc       | DH13NL  | <i>Phúc</i>  |       | 5         | 7,8       | 2,5  | 4,3            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 13  | 13137111 | Nguyễn Quốc Phúc   | DH13NL  | <i>Phúc</i>  |       | 10        | 7,8       | 1    | 4              | ○○○●●●●●●●●●●  | ●○○●●●●●●●●●● |
| 14  | 13137131 | Lê Hoàng Thắng     | DH13NL  | <i>Thắng</i> |       | 10        | 6,9       | 3,5  | 5,2            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |
| 15  | 13137128 | Phan Lê Ngọc Thảo  | DH13NL  | <i>Thảo</i>  |       | 10        | 7,4       | 5,5  | 6,5            | ○○○●●●●●●●●●●  | ○○○●●●●●●●●●● |



Mã nhận dạng 04340



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH13NL\_06 - 001\_DH13NL\_06

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13137152 | Trần Anh Trí      | DH13NL  |        |       | 10        | 6,9       | 5,5  | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13137154 | Nguyễn Văn Trường | DH13NL  |        |       | 5         | 2,4       | 1,5  | 2,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13137158 | Nguyễn Minh Tú    | DH13NL  |        |       | 5         | 5,6       | 1    | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13137159 | Nguyễn Văn Trường | DH13NL  |        |       | 10        | 5,6       | 2    | 3,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13137160 | Nguyễn Văn Trường | DH13NL  |        |       | 5         | 6,9       | 3    | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

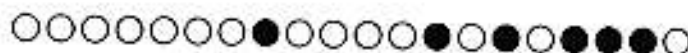
Cán bộ coi Thi 1

Cán bộ coi Thi 2

Cao Đức Lợi

Lê Khắc Quý





Mã nhận dạng 04270



Trang 1/2

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14GB\_11 - 001\_DH14GB\_11

Số Tin Ch 2

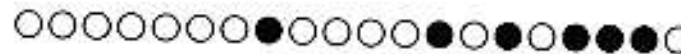
Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>30 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14154004 | Nguyễn Hoài Bảo  | DH14OT  |        |       | 10         | 8,7        | 5    | 6,6            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 2   | 13154084 | Trần Xuân Châu   | DH13OT  |        |       | 10         | 8,4        | 2    | 4,7            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 3   | 14153068 | Nguyễn Hoàng Anh | DH14CD  |        |       | 10         | 7,4        | 2    | 4,4            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 4   | 13118095 | Lưu Trần Tấn     | DH13CK  |        |       | 10         | 7,4        | 3    | 5              | 00012345678910 | 0123456789 |
| 5   | 14115297 | Lý Thị Cẩm       | DH14GB  |        |       | 10         | 8,4        | 1    | 3,8            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 6   | 13154014 | Cao Xuân         | DH13OT  |        |       | 10         | 4,2        | 4    | 4,7            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 7   | 13118126 | Lê Xuân Hà       | DH13CC  |        |       | 10         | 6,9        | 9,5  | 8,8            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 8   | 13154024 | Lại Thị Hương    | DH13OT  |        |       | 10         | 7,4        | 2,5  | 4,7            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 9   | 13118184 | Võ Văn Khiêm     | DH13CC  |        |       | 10         | 3,3        | 4    | 4,4            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 10  | 13118186 | Đào Xuân         | DH13CK  |        |       | 10         | 6          | 2,5  | 4,3            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 11  | 12118062 | Võ Thanh         | DH12CC  |        |       | 10         | 8,3        | 2,5  | 5              | 00012345678910 | 0123456789 |
| 12  | 14115210 | Lê Thanh Nhân    | DH14GB  |        |       | 10         | 8,3        | 5,5  | 6,8            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 13  | 13118240 | Huỳnh Hữu Phước  | DH13CC  |        | ✓     |            |            |      |                | 00012345678910 | 0123456789 |
| 14  | 13154048 | Phạm Hữu Quý     | DH13OT  |        |       | 10         | 7,8        | 5    | 6,3            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 15  | 13154049 | Nguyễn Văn Sang  | DH13OT  |        |       | 10         | 5,7        | 1    | 3,3            | 00012345678910 | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04270



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14GB\_11 - 001\_DH14GB\_11

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV          | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>30 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13153222 | Trương Phi Thoán      | DH13CD  |        |       | 10         | 7,8        | 6,5  | 7,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14115383 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | DH14GB  |        |       | 10         | 9,6        | 2,5  | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13118365 | Trần Văn Tịnh         | DH13CC  |        |       | 10         | 7,8        | 7,5  | 7,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13154205 | Nguyễn Văn út         | DH13OT  |        |       | 10         | 6,9        | 5    | 6,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13118354 | Lê Lương Tuấn Vũ      | DH13CC  |        | ✓     |            |            |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Lê Tường

Cán Bộ Chấm Thi 2





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14GB\_11 - 001\_DH14GB\_11

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>50% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13137019 | Nguyễn Văn Bình   | DH13NL  |        | 1     | 10        | 7,8       | 4,5  | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13137032 | Đỗ Văn Duy        | DH13NL  |        |       | 10        | 6,5       | 2,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13153109 | Nguyễn Tấn Hồng   | DH13CD  |        |       | 10        | 7,4       | 4,5  | 5,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13118105 | Trần Thái Hòa     | DH13CD  |        |       | 10        | 8,7       | 6    | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13154030 | Phạm Văn Lâm      | DH13OT  |        |       | 5         | 0         | 5,5  | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13154030 | Phạm Văn Lâm      | DH13OT  |        |       | 5         | 7,4       | 4,5  | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13118201 | Nguyễn Tấn Lộc    | DH13CK  |        |       | 5         | 8,3       | 0,5  | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 14154031 | Đặng Văn Long     | DH14OT  |        |       | 10        | 6,9       | 3,5  | 5,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13118230 | Cao Hoàng Phú     | DH13CK  |        |       | 10        | 5,7       | 1    | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13118042 | Phạm Hoàng Quý    | DH13CC  |        | ✓     |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118249 | Tạ Văn Quyền      | DH13CK  |        |       | 10        | 7,5       | 3,5  | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13334171 | Trần Tấn Tài      | CD13CI  |        |       | 10        | 6,9       | 1    | 3,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13334172 | Nguyễn Minh Tâm   | CD13CI  |        |       | 10        | 2         | 1    | 2,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13154177 | Đinh Mai Bắc      | DH13OT  |        |       | 5         | 0         | 0    | 0,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13154055 | Trương Ngọc Thiện | DH13OT  |        |       | 10        | 7,4       | 2    | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04345



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14GB\_11 - 001\_DH14GB\_11

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH130T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký      | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>30% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|-------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13154185 | Đinh Ngọc Thúc   | DH130T  | <i>h/cm</i> |       | 10        | 7,1       | 4,5  | 5,8            | 00123456789    | 0123456789 |
| 17  | 13154188 | Nguyễn Duy Trần  | DH130T  | <i>h/cm</i> |       | 10        | 7,1       | 0    | 3,1            | 00123456789    | 0123456789 |
| 18  | 13118060 | Phạm Quang Trung | DH130T  |             | V     |           |           |      |                | 00123456789    | 0123456789 |
| 19  | 13154185 | Đinh Ngọc Thúc   | DH130T  | <i>h/cm</i> |       | 5         | 6,6       | 1    | 3,1            | 00123456789    | 0123456789 |
|     |          |                  |         |             | V     |           |           |      |                | 00123456789    | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

SS: 18/20

Xác nhận của Bộ Môn

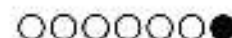
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Lê Giảng

Cán Bộ Chấm Thi 2





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14GB\_11 - 001\_DH14GB\_11

Số Tín Ch 2

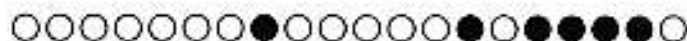
Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV                      | Tên Lớp | Chữ ký     | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>30 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------------------|---------|------------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14115002 | Dặng Phúc Anh                     | DH14CB  | <i>Anh</i> |       | 5          | 5          | 0    | 1              | 000234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13153074 | K <del>...</del> Đ <del>...</del> | DH13CD  |            | V     |            |            |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13154018 | Hồ Thanh Hết                      | DH13OT  | <i>HL</i>  |       | 10         | 6,5        | 4,5  | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13138074 | Kiểu Việt Hiệp                    | DH13TD  | <i>HV</i>  |       | 10         | 8,7        | 4    | 6              | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13154023 | Nguyễn Thanh Minh                 | DH13OT  | <i>NTM</i> |       | 10         | 8,3        | 2,5  | 5              | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13138091 | Lâm Tấn Kha                       | DH13TD  | <i>LTK</i> |       | 10         | 8,7        | 9,5  | 9,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13138097 | Trần Tiến Khôi                    | DH13TD  | <i>TK</i>  |       | 10         | 7,8        | 5    | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13153138 | Trần Quang Kỳ                     | DH13CD  | <i>K</i>   |       | 5          | 7,1        | 6,5  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13154144 | Đoàn Lợi                          | DH13OT  | <i>DL</i>  |       | 10         | 6,9        | 2    | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13154036 | Nguyễn Hoàng Minh                 | DH13OT  | <i>NHM</i> |       | 10         | 5,6        | 5    | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13137087 | Bùi Phụ Hoàng Nam                 | DH13NL  | <i>BPH</i> |       | 5          | 4,8        | 1    | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14153032 | Nguyễn Thanh Nam                  | DH14CD  | <i>Nam</i> |       | 10         | 0          | 3    | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 13137100 | Đinh Mai Nhật                     | DH13NL  | <i>DM</i>  |       | 5          | 0          | 1    | 1,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13138163 | Phạm Lưu Phước                    | DH13TD  | <i>PLP</i> |       | 10         | 7,4        | 1,5  | 4,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13153186 | Trần Minh Quang                   | DH13CD  | <i>TMQ</i> |       | 10         | 0          | 0    | 0,5            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04190



Trang 2/2

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14GB\_11 - 001\_DH14GB\_11**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>30 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên           | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|---------------------|---------|---------------|-------|------------|------------|------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 16  | 13138181 | Phạm Văn Tâm        | DH13TD  | <i>Tâm</i>    |       | 10         | 4,7        | 6,5  | 6,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 17  | 13334209 | Phạm Thành Tiến     | CD13CI  | <i>Thành</i>  |       | 5          | 7,8        | 2,5  | 4,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 18  | 13154187 | Phạm Trung Tín      | DH13OT  | <i>Tín</i>    |       | 10         | 7,8        | 9,5  | 9              | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 19  | 13118307 | Nguyễn Triệu Toàn   | DH13CK  | <i>Toàn</i>   |       | 10         | 8,1        | 4    | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 20  | 12154124 | Trương Thanh Trường | DH12OT  | <i>Trường</i> |       | 10         | 5,7        | 1    | 3,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

SS: 19/20

Xác nhận của Bộ Môn

*PGS.TS. Nguyễn Huy Bích*

Cán Bộ Chấm Thi 1

*Nguyễn Lê Giảng*

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 001 DH14CB\_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi            20/01/2016

Phòng Thi RD401

Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

### Table 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký                                                                              | Số tờ | D1<br>10%      | D2<br>20%      | D.Số           | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14115160 | Lê Văn Ân          | DH14CB  |    |       | 1,0            | 0,5            | 0,3            | 1,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 14115002 | Đặng Phúc Anh      | DH14CB  |    |       | 0,0            | 0,8            | 1,5            | 2,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 14115429 | Lê Đình Bảo        | DH14GN  |                                                                                     |       |                |                |                |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13153042 | Tạ Văn Bình        | DH13CD  |    |       | 0,5            | 1,0            | 1,5            | 3,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13118108 | Lâm Hữu Nguyễn Đan | DH13CK  |    |       | 1,0            | 1,0            | 3,5            | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 13137046 | Nguyễn Tấn Đạt     | DH13NL  |                                                                                     |       |                |                |                |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 14115308 | Trần Thị Hào       | DH14GN  |                                                                                     |       |                |                |                |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 14154096 | Trần Thanh Hoàng   | DH14OT  |    |       | 1,0            | 1,5            | 6,0            | 8,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 14115054 | Hồ Ngọc Khoa       | DH14CB  |   |       | 1,0            | 1,5            | 5,0            | 7,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 10153070 | Nguyễn Duy Long    | DH10CD  |                                                                                     |       | <del>1,0</del> | <del>1,5</del> | <del>3,0</del> | <del>5,5</del> | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 14153028 | Bùi Vũ Luân        | DH14CD  |  |       | 1,0            | 1,5            | 3,0            | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 14115199 | Đỗ Dương Anh Ly    | DH14CB  |  |       | 1,0            | 1,0            | 2,3            | 4,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 14115201 | Nguyễn Nhật Minh   | DH14CB  |                                                                                     |       |                |                |                |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 12115146 | Võ Thị Xuân Nhân   | DH12GB  |                                                                                     |       |                |                |                |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 14115352 | Nguyễn Tấn Phát    | DH14GB  |  |       | 0,0            | 0,8            | 2,0            | 2,8            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04072



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 001\_DH14CB\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD401

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

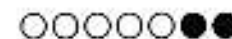
Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13154043 | Nguyễn Hữu Phong | DH13OT  |        |       | 1,0     | 1,5     | 5,5  | 8,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13154157 | Lê Hồng          | DH13OT  |        |       | 0,5     | 1,5     | 4,0  | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14115220 | Nguyễn Trung     | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,0     | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13154045 | Tăng Hồng        | DH13OT  |        |       | 1,0     | 1,0     | 2,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13115336 | Trịnh Ngọc       | DH13CB  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 14115234 | Phạm Bá          | DH14CB  |        |       | 1,0     | 0,5     | 0,5  | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 14115110 | Trần Ngọc        | DH14CB  |        |       | 1,0     | 0,25    | 3,75 | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 14154143 | Trần Hữu         | DH14OT  |        |       | 1,0     | 1,0     | 3,0  | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13153216 | Lê Bửu           | DH13CD  |        |       | 1,0     | 1,0     | 5,5  | 7,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 14115248 | Ôn Thị Thanh     | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,0     | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 14115252 | Võ Thị Thái Hòa  | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,5     | 2,3  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13115444 | Trần Trung       | DH13CB  |        |       | 1,0     | 1,3     | 0,0  | 2,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 14115261 | Huỳnh Minh       | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,5     | 6,5  | 9,0            | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04072



Trang 3/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 001\_DH14CB\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD401

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký      | Số từ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|-------------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 29  | 13138238 | Ngô Vũ Minh Tuấn | DH13TD  | <u>Tuấn</u> |       | 1,0  | 4,5  | 3,0  | 5,5         | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
Trần Văn Thanh Tiên

Cán Bộ Chấm Thi 2



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 002\_DH14CB\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13137011 | Nguyễn Thiên Ân   | DH13NL  |        |       | 0,0       | 1,0       | 1,3  | 2,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 14153065 | Lê Ngọc Ân        | DH14CD  |        |       | 1,0       | 1,0       | 2,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 12154223 | Lê Công Tuấn      | DH12OT  |        |       | 0,0       | 1,5       | 0,3  | 1,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13118070 | Lê Hồng Anh       | DH13CC  |        |       | 0,5       | 0,8       | 0,5  | 1,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 14154004 | Nguyễn Hoài Bảo   | DH14OT  |        |       | 1,0       | 1,5       | 2,5  | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 14118008 | Nguyễn Đăng Châu  | DH14CK  |        |       | 1,0       | 1,3       | 2,5  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13154005 | Lưu Công Chí      | DH13OT  |        |       | 1,0       | 0,8       | 1,0  | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 14115290 | Phạm Văn Cường    | DH14CB  |        |       | 1,0       | 1,25      | 2,25 | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13334253 | Trần Tiến Đạt     | CD13CI  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13115024 | Nguyễn Thanh Diệp | DH13CB  |        |       | 1,0       | 1,5       | 2,5  | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13115194 | Trần Thiên Đức    | DH13CB  |        |       | 1,0       | 1,5       | 0,5  | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14115022 | Phan Hiểu Đức     | DH14CB  |        |       | 1,0       | 0,25      | 0,25 | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14115292 | Huỳnh Khương Duy  | DH14CB  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13154018 | Hồ Thanh Hết      | DH13OT  |        |       | 1,0       | 2,0       | 2,5  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13115036 | Võ Văn Hiệp       | DH13CB  |        |       | 1,0       | 1,5       | 5,0  | 7,5            | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04073



Trang 2/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 002\_DH14CB\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 13138261 | Nguyễn Trung Hiếu | DH13TD  |        |       | 1,0  | 0,0  | 6,0  | 7,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14115190 | Lý Minh Hòa       | DH14CB  |        |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13153123 | Trần Minh Kha     | DH13CD  |        |       | 1,0  | 1,5  | 3,0  | 5,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14154027 | Cao Hoàng Khanh   | DH14OT  |        |       | 1,0  | 1,0  | 2,0  | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13154027 | Nguyễn Lê Khon    | DH13OT  |        |       | 1,0  | 0,5  | 1,0  | 2,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13138108 | Lê Quang Linh     | DH13TD  |        |       | 1,0  | 1,5  | 5,0  | 7,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 14114372 | Lê Thị Mỹ Linh    | DH14CB  |        |       | 1,0  | 1,5  | 1,5  | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 14115334 | Nguyễn Thành Long | DH14CB  |        |       | 0,5  | 1,0  | 0,3  | 1,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13138117 | Nguyễn Quốc Mạnh  | DH13TD  |        |       | 1,0  | 1,3  | 2,0  | 4,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 14115342 | Bùi Thế Mỹ        | DH14CB  |        |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 14115206 | Nguyễn Phú Nguyễn | DH14CB  |        |       | 0,0  | 0,0  | 0,0  | 0,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 14115090 | Nguyễn Văn Nhon   | DH14CB  |        |       | 1,0  | 0,8  | 1,5  | 3,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13138140 | Lê Thị Huỳnh Như  | DH13TD  |        |       | 1,0  | 1,5  | 3,5  | 6,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13138152 | Hoàng Xuân Phú    | DH13TD  |        |       | 0,5  | 0,0  | 3,5  | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13138165 | Mai Hồng Quân     | DH13TD  |        |       | 0,5  | 1,0  | 2,8  | 4,3         | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04073



Trang 3/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 002\_DH14CB\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

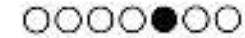
Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13115092 | Ngô Tấn Sĩ      | DH13CB  |        |       | 0,0     | 0,0     | 0,0  | 0,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 14115230 | Đặng Hữu Tài    | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,3     | 4,0  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 14115451 | Ngô Xuân Thịnh  | DH14CB  |        |       | 1,0     | 0,8     | 1,5  | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 14115124 | Nguyễn Thị Thoa | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,5     | 3,5  | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 13115118 | Lê Duy Thức     | DH13CB  |        |       | 0,5     | 0,0     | 1,5  | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 14154061 | Trương Ngọc Tín | DH14OT  |        |       | 1,0     | 1,5     | 6,5  | 9,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 13115421 | Phan Hữu Toàn   | DH13GB  |        |       | 1,0     | 0,85    | 1,85 | 3,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 14115143 | Nguyễn Minh Tri | DH14CB  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 39  | 13118317 | Lê Quốc Trung   | DH13CK  |        |       | 0,5     | 1,3     | 5,5  | 7,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 40  | 13115460 | Lê Tiến Tùng    | DH13CB  |        |       | 0,0     | 1,3     | 1,0  | 2,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 41  | 14115416 | Trần Thị Uyên   | DH14CB  |        |       | 0,5     | 1,5     | 4,5  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 42  | 13154208 | Nguyễn Thế Viễn | DH13OT  |        |       | 1,0     | 1,0     | 0,8  | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 43  | 13138251 | Đỗ Ngọc Việt    | DH13TD  |        |       | 0,0     | 1,3     | 1,5  | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 44  | 14115269 | Lương Quốc Vinh | DH14CB  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04073



Trang 4/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CB\_01 - 002\_DH14CB\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 45  | 14115277 | Nguyễn Thị Ngọc Yến | DH14CB  |        |       | 1,0     | 1,5     | 6,0  | 8,5            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

  
TS. Võ Thanh Tiên

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT1:

  
Nguyễn Văn Tuấn Anh

CBCT2:

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 001\_DH14CC\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

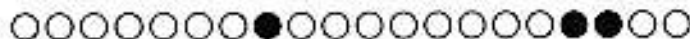
Phòng Thi RD201

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ     | D1<br>10% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên                  | Tô điểm lẻ                      |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-----------|-----------|-----------|------|----------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1   | 14118104 | Nguyễn Tấn Bão     | DH14CC  |        |           |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 2   | 14118317 | Phạm Ngọc Châu     | DH14CC  | Chau   |           | 1,0       | 1,25      | 2,25 | 4,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 3   | 13153007 | Phạm Tiến Đức      | DH13CD  | Tien   |           | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 4   | 13118104 | Nguyễn Đông Dương  | DH13CK  | Duong  |           | 1,0       | 1,5       | 4,0  | 6,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 5   | 14115295 | Hoàng Thị Duyên    | DH14GB  | Duc    |           | 0,5       | 1,0       | 4,0  | 5,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 6   | 14154016 | Trần Thanh Tú      | DH14OT  | Tu     |           | 1,0       | 1,5       | 4,0  | 6,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 7   | 14115025 | Phạm Thanh Hà      | DH14GN  | H      |           | 1,0       | 1,0       | 2,3  | 4,3            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 8   | 13154017 | Nguyễn Văn Hậu     | DH13OT  | H      | (Cấm thi) |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 9   | 14115051 | Phan Thị Thu Hương | DH14GB  | Thu    |           | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 10  | 13137083 | Chu Bá Hoàng Lâm   | DH13NL  | Lam    |           | 0,0       | 1,0       | 3,0  | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 11  | 14118193 | Trần Như Long      | DH14CC  | Long   |           | 1,0       | 0,8       | 3,0  | 4,8            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 12  | 14115339 | Võ Thị Sao Mai     | DH14GN  |        |           |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 13  | 13153016 | Nguyễn Minh Ngọc   | DH13CD  | Ngoc   |           | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 14  | 14118208 | Võ Tấn Nguyên      | DH14CC  | Ky     |           | 1,0       | 1,5       | 6,5  | 9,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 15  | 13118034 | Nguyễn Minh Nhân   | DH13CC  |        |           |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |





Mã nhận dạng 04108



Trang 2/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 001\_DH14CC\_02

Số Tin Ch 2

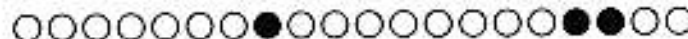
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14118047 | Nguyễn Hữu Phát    | DH14CC  |        |       | 1,0     | 0,5     | 2,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 12153009 | Nguyễn Thanh Phong | DH12CD  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14118226 | Nguyễn Tấn Phước   | DH14CK  |        |       | 1,0     | 1,5     | 3,0  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13153018 | Diệp Chí Quân      | DH13CD  |        |       | 0,0     | 0,25    | 2,25 | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14118243 | Nguyễn Thủ Sơn     | DH14CC  |        |       | 1,0     | 0,8     | 3,0  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13138198 | Phan Tiến Thành    | DH13TD  |        |       | 1,0     | 1,0     | 2,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13137133 | Nguyễn Đại Thiên   | DH13NL  |        |       | 1,0     | 1,5     | 3,0  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 14115380 | Vũ Đức Thịnh       | DH14GN  |        |       | 1,0     | 0,5     | 3,0  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13334204 | Nguyễn Hồng Thuận  | CD13CI  |        |       | 1,0     | 1,0     | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 14115250 | Châu Ngọc Thương   | DH14GN  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13118301 | Lê Đức Tin         | DH13CC  |        |       | 0,5     | 0,5     | 1,0  | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 14115398 | Nguyễn Nhật Thủy   | DH14CB  |        |       | 1,0     | 0,0     | 3,8  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13153255 | Lê Ngọc Triệu Tuấn | DH13CD  |        |       | 1,0     | 0,5     | 1,5  | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04108



Trang 3/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 001\_DH14CC\_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 29  | 13115142 | Tô Tường Vy  | DH13CB  |        |       | 1,6  | 1,5  | 1,5  | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

SL: 24/29

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Lâm

Tô Tường Vy

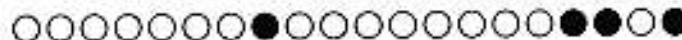
CBCT 1

CBCT 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Hồng Diệp





**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 002\_DH14CC\_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 20/01/2016

Phòng Thi: PV400A

Lớp: CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>20% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13334010 | Đoàn Trí Ân       | CD13CI  |              |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13137008 | Vũ Tuấn Anh       | DH13NL  | <i>Tuấn</i>  |       | 0,5       | 1,3       | 1,5  | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 14118105 | Nguyễn Văn Bình   | DH14CC  | <i>Bình</i>  |       | 0,5       | 1,0       | 1,0  | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13137047 | Nguyễn Thành Đạt  | DH13NL  | <i>Đạt</i>   |       | 0,0       | 0,3       | 1,0  | 1,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 14115291 | Nguyễn Hoàng Duân | DH14CB  |              |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 14115297 | Lý Thị Cẩm Duyên  | DH14GB  | <i>Duyên</i> |       | 1,0       | 1,25      | 1,25 | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 14118019 | Nguyễn Hùng Giang | DH14CC  | <i>Giang</i> |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 14118021 | Đỗ Kỳ Hà          | DH14CC  | <i>Hà</i>    |       | 0,5       | 1,0       | 3,0  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 14115447 | Ung Thị Bích Hạnh | DH14GB  | <i>Hạnh</i>  |       | 1,0       | 1,3       | 2,5  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 14115027 | Võ Thị Mỹ Hào     | DH14GB  | <i>Hào</i>   |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13137054 | Ngô Hữu Hậu       | DH13NL  | <i>Hậu</i>   |       | 0,5       | 0,5       | 1,0  | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14115032 | Nguyễn Minh Hiền  | DH14GN  | <i>Hiền</i>  |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14115311 | Lê Thị Hiền       | DH14GB  | <i>Hiền</i>  |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 14118024 | Phạm Thanh Hiền   | DH14CC  | <i>Hiền</i>  |       | 1,0       | 0,25      | 0,25 | 1,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13154021 | Trần Đức Hiếu     | DH13OT  | <i>Hiếu</i>  |       | 1,0       | 0,5       | 2,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04109



Trang 3/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 002\_DH14CC\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400A

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|---------------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 31  | 13137110 | Nguyễn Minh Phúc   | DH13NL  | <i>Phúc</i>   |       | 1,0  | 1,5  | 3,0  | 5,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 13118242 | Nguyễn Ngọc Thuận  | DH13CK  | <i>Quang</i>  |       | 0,0  | 0,8  | 1,5  | 2,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 13154048 | Phạm Hữu Qui       | DH13OT  | <i>Qui</i>    |       | 0,5  | 1,5  | 4,5  | 6,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 13138172 | Nguyễn Văn Sang    | DH13TD  | <i>Sang</i>   |       | 1,0  | 1,5  | 2,5  | 5,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 13137119 | Nguyễn Hải Sơn     | DH13NL  | <i>Son</i>    |       | 1,0  | 1,5  | 2,5  | 5,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 13154051 | Ngô Tấn Tài        | DH13OT  | <i>Tai</i>    |       | 1,0  | 1,5  | 4,8  | 7,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 14118245 | Nguyễn Văn Tài     | DH14CK  | <i>Tai</i>    |       | 1,0  | 1,5  | 3,0  | 5,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 14115240 | Võ Thị Ngọc        | DH14GB  |               |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 39  | 14118263 | Nguyễn Tấn Thiện   | DH14CC  | <i>Thien</i>  |       | 1,0  | 0,3  | 2,0  | 3,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 40  | 13115399 | Trần Thị Thanh Thu | DH13GB  |               |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 41  | 13137140 | Nguyễn Vĩnh Thuận  | DH13NL  |               |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 42  | 13334205 | Võ Thái Thuận      | CD13CI  |               |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 43  | 13334212 | Lâm Quốc Tiến      | CD13CI  | <i>Tien</i>   |       | 0,5  | 0,0  | 2,0  | 2,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 44  | 13118326 | Nguyễn Nhật Trường | DH13CC  | <i>Trường</i> |       | 0,5  | 1,0  | 1,5  | 3,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 45  | 12118099 | Tạ Quang Tuấn      | DH12CC  | <i>Tuan</i>   |       | 0,5  | 1,0  | 3,0  | 4,5         | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04109



Trang 2/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 002\_DH14CC\_02

Số Tín Ch 2

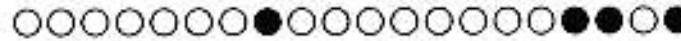
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400A

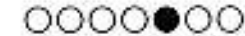
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1 % | Đ2 % | Đ.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 13153103 | Nguyễn Đông Hoài    | DH13CD  | <i>Hoài</i>  |       | 0,5  | 0,5  | 3,0  | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14115317 | Lê Thị Huyền        | DH14GB  | <i>Huyền</i> |       | 1,0  | 1,5  | 2,0  | 4,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13115231 | Nguyễn Thị Huyền    | DH13GN  | <i>Huyền</i> |       | 1,0  | 1,5  | 4,8  | 7,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 12153177 | Trần Quốc Khanh     | DH12CD  |              |       |      |      |      |             | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13118180 | Nguyễn Hồng Khánh   | DH13CC  | <i>Khánh</i> |       | 0,5  | 0,0  | 1,5  | 2,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13138099 | Cao Hoàng Lâm       | DH13TD  | <i>Lâm</i>   |       | 0,0  | 1,0  | 3,0  | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 14118036 | Nguyễn Thành Lễ     | DH14CC  | <i>Lê</i>    |       | 1,0  | 1,5  | 0,5  | 3,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14118038 | Thượng Công Lộc     | DH14CK  | <i>Lộc</i>   |       | 1,0  | 1,5  | 3,0  | 5,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 12344080 | Nguyễn Thành Lợi    | CD12C1  | <i>Lợi</i>   |       | 1,0  | 1,5  | 1,5  | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 13137085 | Nguyễn Thanh Long   | DH13NL  | <i>Long</i>  |       | 1,0  | 1,5  | 2,5  | 5,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 13138009 | Nguyễn Kim Hải Long | DH13TD  | <i>Long</i>  |       | 1,0  | 0,8  | 2,5  | 4,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13153013 | Huỳnh Minh Lý       | DH13CD  | <i>Lý</i>    |       | 1,0  | 0,8  | 1,0  | 2,8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 13115296 | Nguyễn Việt Ngọc    | DH13CB  | <i>Ngọc</i>  |       | 1,0  | 0,5  | 2,8  | 4,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 14154125 | Nguyễn Minh Ngọc    | DH14OT  | <i>Ngọc</i>  |       | 1,0  | 1,5  | 1,0  | 3,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 14118048 | Bùi Hoàng Phong     | DH14CC  | <i>Phong</i> |       | 1,0  | 0,0  | 1,3  | 2,3         | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04109



Trang 4/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CC\_02 - 002\_DH14CC\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV400A

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ     | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-----------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 46  | 13118347 | Mai Hoài Tận        | DH13CC  |        |           | 1,0  | 1,3  | 2,5  | 4,8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 47  | 14154064 | Mai Quốc Việt       | DH14OT  |        |           | 1,0  | 1,5  | 7,0  | 9,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 48  | 13118354 | Lê Lương Tuấn       | DH13CC  |        | (cấm thi) |      |      |      |             | 0012345678910  | 0123456789 |
| 49  | 13115485 | Lê Nguyễn Hoàng Yến | DH13CB  |        |           | 0,0  | 1,3  | 2,0  | 3,3         | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tâm  
TS. Nguyễn Văn Thiên

CBCT 1

CBCT 2

Lê Khắc Quý



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 001\_DH14CD\_03**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ              | D1<br>10% | D2<br>20% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ                              |
|-----|----------|------------------|---------|--------|--------------------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|-----------------------------------------|
| 1   | 14153004 | Nguyễn Thanh Huy | Bảo     | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,5  | 3,0            | 5,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 2   | 14153006 | Hồ Nguyễn Văn    | Cánh    | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,5  | 2,0            | 4,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 3   | 14115011 | Nguyễn Thị Minh  | Cư      | DH14GB | <i>[Signature]</i> | 1         | 0,0       | 1,5  | 1,5            | 3,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 4   | 14153008 | Huỳnh Ngọc       | Cường   | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,0  | 3,5            | 5,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 5   | 14114356 | Lâm Hồng         | Đào     | DH14GB | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,3  | 1,0            | 3,3            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 6   | 14118135 | Nguyễn Phát      | Đạt     | DH14CC | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 0,3  | 0,5            | 1,8            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 7   | 14153011 | Châu Khánh       | Đạt     | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,3  | 2,0            | 4,3            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 8   | 14153075 | Đỗ Minh          | Đề      | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,5  | 2,0            | 4,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 9   | 14153070 | Mai Thạch        | Dữ      | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 0,5  | 0,5            | 2,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 10  | 14153010 | Trần Vũ Anh      | Duy     | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 1,5  | 1,5            | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 11  | 14115184 | Nguyễn Thị Hồng  | Hạnh    | DH14GB | <i>[Signature]</i> | 2         | 1,0       | 1,5  | 5,5            | 8,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 12  | 13115206 | Bùi Thị ái       | Hậu     | DH13GN | <i>[Signature]</i> | 2         | 1,0       | 1,5  | 4,5            | 7,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 13  | 14153080 | Lê Khoa          | Hậu     | DH14CD | <i>[Signature]</i> | 1         | 1,0       | 0,5  | 2,8            | 4,3            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 14  | 14115036 | Võ Ngọc          | Hiệu    | DH14CB |                    |           |           |      |                |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |
| 15  | 13115217 | Nguyễn Minh      | Hoảng   | DH13CB |                    |           |           |      |                |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ |



Mã nhận dạng 04125



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 001\_DH14CD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

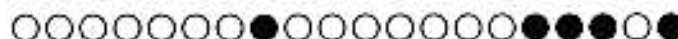
Phòng Thi HD203

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

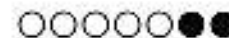
Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV              | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | Đ. Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------------|---------|--------|-------|------|------|-------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 14153094 | Hứa Tiến Hưng             | DH14CD  | Hung   | 1     | 1,0  | 1,5  | 0,8   | 3,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14118189 | Nguyễn Tuấn Kiệt          | DH14CK  | Kiet   | 1     | 0,5  | 1,5  | 5,5   | 7,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14153023 | Đinh Thiện Duy            | DH14CD  | Duy    | 1     | 1,0  | 0,8  | 0,5   | 2,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14153024 | Ngô Tường Lâm             | DH14CD  | Lam    | 1     | 1,0  | 1,25 | 1,25  | 3,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13138109 | Trần Hoài Linh            | DH13TD  | Linh   | 1     | 1,0  | 1,0  | 2,8   | 4,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13154144 | Đoàn Lợi                  | DH13OT  | Loi    | 1     | 1,0  | 1,5  | 1,5   | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13115067 | Trần ý Ly                 | DH13CB  | Ly     | 2     | 1,0  | 1,5  | 4,5   | 7,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13153014 | Trịnh Đình Minh           | DH13CD  | Minh   | 1     | 0,0  | 0,5  | 1,5   | 2,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 14153034 | Chế Thành Nghi            | DH14CD  | Nghi   | 1     | 1,0  | 0,5  | 5,5   | 7,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 14115082 | Hoàng Thị Hạnh            | DH14GB  | Hanh   | 1     | 1,0  | 1,5  | 1,5   | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 14153107 | Đinh Như Nhân             | DH14CD  | Nhan   | 1     | 1,0  | 0,5  | 0,3   | 1,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 14153118 | Phan Thương Hoài L. Tâm   | DH14CD  | Tam    | 2     | 1,0  | 1,5  | 5,5   | 8,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13115381 | Trương Nguyễn Phương Thảo | DH13GN  | Thao   | 1     | 1,0  | 1,25 | 5,5   | 7,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13115403 | Trần Văn Thuận            | DH13GN  | Thuan  | 1     | 0,0  | 0,5  | 0,3   | 0,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 14115127 | Đoàn Thị Thùy             | DH14GB  | Thuy   | 1     | 1,0  | 1,5  | 5,5   | 8,0         | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04125



Trang 3/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 001\_DH14CD\_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký             | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 14153054 | Đinh Ngọc Trần     | DH14CD  | <i>[Signature]</i> | 1     | 1,0     | 0,8     | 3,0  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 13115127 | Nguyễn Văn Tri     | DH13GN  | <i>[Signature]</i> | 1     | 2,0     | 0,0     | 0,0  | 1,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 14115148 | Võ Thành Tuấn      | DH14GB  |                    |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 14153060 | Nguyễn Công Trương | DH14CD  | <i>[Signature]</i> | 1     | 1,0     | 0,8     | 0,5  | 2,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 14153062 | Trịnh Thành Việt   | DH14CD  | <i>[Signature]</i> | 1     | 1,0     | 0,75    | 1,25 | 3,5            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

HD: 32 V: 03

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*[Signature]*  
*[Signature]*  
 TS. Nguyễn Văn Tri

CBET 1  
*[Signature]*  
 Lê Cường Hiền

CBET 2  
*[Signature]*  
 Nguyễn Văn Ngọc Thành

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 002\_DH14CD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

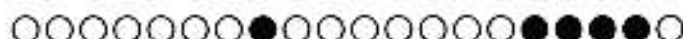
Phòng Thi RD103

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ     | D1<br>10% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên           | Tổ điểm lẻ          |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-----------|-----------|-----------|------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 1   | 13137006 | Mai Thế Anh            | DH13NL  |        |           | 1,0       | 1,5       | 2,0  | 4,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   | 14153005 | Võ Đức Bảy             | DH14CD  |        |           | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   | 13334016 | Trần Thanh Bình        | CD13CI  |        |           | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4   | 14153009 | Lê Mạnh Cường          | DH14CD  |        |           | 1,0       | 0,5       | 0,8  | 2,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   | 14153012 | Nguyễn Thành Đạt       | DH14CD  |        |           | 0,5       | 0,5       | 0,3  | 1,3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   | 14153013 | Nguyễn Sơn Hà          | DH14CD  |        |           | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   | 14153079 | Bùi Văn Hân            | DH14CD  |        |           | 1,0       | 0,75      | 0,25 | 2,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   | 14118167 | Nguyễn Văn Hòa         | DH14CC  |        |           | 1,0       | 0,25      | 3,25 | 4,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   | 14153085 | Huỳnh Thanh Hoài       | DH14CD  |        |           | 1,0       | 0,75      | 0,25 | 2,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  | 14153086 | Nguyễn Xuân Hoài       | DH14CD  |        |           | 1,0       | 0,5       | 4,0  | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  | 14153016 | Trần Dương Hoan        | DH14CD  |        |           | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  | 13138079 | Nguyễn Trần Minh Hoàng | DH13TD  |        | (Cấm thi) |           |           |      |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  | 13153109 | Nguyễn Tấn Hồng        | DH13CD  |        |           | 0,5       | 0,0       | 1,0  | 1,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  | 13118169 | Nguyễn Trọng Hữu       | DH13CK  |        |           | 1,0       | 1,0       | 1,0  | 3,0            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  | 14153019 | Cao Bá Kế              | DH14CD  |        |           | 1,0       | 0,5       | 1,5  | 3,0            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |





Mã nhận dạng 04126



Trang 2/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 002\_DH14CD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD103

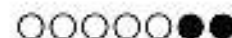
Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13154026 | Trần Văn Khả      | DH13OT  |        |       | 0,5     | 1,5     | 4,0  | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13138094 | Phạm Duy Khánh    | DH13TD  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14153022 | Trần Tuấn Kiệt    | DH14CD  |        |       | 1,0     | 1,5     | 2,3  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 12344078 | Trần Đức Long     | CD12CI  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14153029 | Hàng Lục          | DH14CD  |        |       | 1,0     | 0,8     | 0,5  | 2,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 14153103 | Nguyễn Đức Nam    | DH14CD  |        |       | 1,0     | 0,5     | 0,5  | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 14153104 | Phan Thanh Nam    | DH14CD  |        |       | 1,0     | 1,3     | 5,0  | 7,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 14153035 | Động Thành Nghĩa  | DH14CD  |        |       | 0,5     | 0,5     | 4,5  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 14153036 | Phan Trọng Nghĩa  | DH14CD  |        |       | 0,5     | 1,5     | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 14115210 | Lê Thanh Nhân     | DH14GB  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 14153040 | Phạm Thị Nhân     | DH14CD  |        |       | 1,0     | 1,5     | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 14153109 | Nguyễn Hiệp Duy   | DH14CD  |        |       | 1,0     | 1,0     | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13153176 | Huỳnh Nguyễn Phúc | DH13CD  |        |       | 0,0     | 0,8     | 2,5  | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13138016 | Ngô Tất Sang      | DH13TD  |        |       | 1,0     | 1,25    | 3,25 | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13154049 | Nguyễn Văn Sang   | DH13OT  |        |       | 1,0     | 0,0     | 0,3  | 1,3            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04126



Trang 3/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 002\_DH14CD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD103

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV          | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | Đ.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 31  | 13334169 | Nguyễn Văn Tài        | CD13CI  |        |       | 1,0  | 1,5  | 1,0  | 3,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 14153119 | Trần Trí Tâm          | DH14CD  |        |       | 1,0  | 1,0  | 4,0  | 6,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 13138190 | Trần Văn Tấn          | DH13TD  |        |       | 0,0  | 1,0  | 3,0  | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 14153125 | Lưu Đức Thái          | DH14CD  |        |       | 1,0  | 0,5  | 1,3  | 2,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 13118279 | Trương Quang Thanh    | DH13CK  |        |       | 1,0  | 0,0  | 5,3  | 6,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 14154146 | Nguyễn Trung Thiên    | DH14OT  |        |       | 1,0  | 1,5  | 6,5  | 9,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 14118265 | Nguyễn Quốc Thịnh     | DH14CC  |        |       | 1,0  | 1,0  | 3,5  | 5,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 14115247 | Trần Thị Cẩm Thủy     | DH14GN  |        |       | 0,5  | 1,5  | 2,8  | 4,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 39  | 13138217 | Nguyễn Đức Tiến       | DH13TD  |        |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 40  | 13115435 | Nguyễn Thị Huỳnh Trâm | DH13GN  |        |       | 1,0  | 1,5  | 4,0  | 6,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 41  | 13138229 | Mai Minh Trí          | DH13TD  |        |       | 1,0  | 1,5  | 3,5  | 6,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 42  | 13137154 | Nguyễn Văn Trường     | DH13NL  |        |       | 0,5  | 0,0  | 1,0  | 1,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 43  | 14154160 | Vũ Duy Tú             | DH14OT  |        |       | 1,0  | 1,0  | 3,5  | 5,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 44  | 14153141 | Phạm Văn Tuấn         | DH14CD  |        |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04126



Trang 4/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14CD\_03 - 002\_DH14CD\_03

Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD103

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV   | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên         | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|----------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|------------------------|---------------------|
| 45  | 13138022 | Ngô Quốc Vương | DH13TD  |        |       | 1,0     | 1,3     | 4,0  | 6,3            | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

CBCT 2:

N.T. Dũng

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_04 - 001\_DH14CK\_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV315

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký             | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>20% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ  |
|-----|----------|------------------|---------|--------------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|-------------|
| 1   | 13118075 | Vũ Văn Anh       | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,0       | 2,5  | 4,5            | ○○○1234●56789○ | ○1234●56789 |
| 2   | 13118004 | Nguyễn Thế Bảo   | DH13CC  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,75      | 3,75 | 6,5            | ○○12345●6789○  | ○1234●56789 |
| 3   | 14118102 | Hồ Chí Bảo       | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,25      | 1,75 | 4,0            | ○○1234●56789○  | ●123456789  |
| 4   | 13154078 | Nguyễn Thái Bình | DH13OT  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○○1234●56789○  | ○1234●56789 |
| 5   | 14153068 | Nguyễn Hoàng Anh | DH14CD  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,0       | 3,0  | 5,5            | ○○1234●56789○  | ○1234●56789 |
| 6   | 13137029 | Lê A             | DH13NL  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 0,8       | 0,0  | 1,8            | ○○●123456789○  | ○1234567●9  |
| 7   | 14118138 | Nguyễn Văn Thành | DH14CK  |                    |       |           |           |      |                | ○○123456789○   | ○123456789  |
| 8   | 13154008 | Võ Thanh Duy     | DH13OT  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,3       | 2,5  | 4,8            | ○○1234●56789○  | ○1234567●9  |
| 9   | 14118155 | Huỳnh Cao Trung  | DH14CK  |                    |       |           |           |      |                | ○○123456789○   | ○123456789  |
| 10  | 14118164 | Tôn Nhật Hoàng   | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,0       | 1,5  | 3,5            | ○○12●3456789○  | ○1234●56789 |
| 11  | 14118198 | Mai Văn Minh     | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,5       | 3,3  | 5,8            | ○○1234●56789○  | ○1234567●9  |
| 12  | 13138010 | Nguyễn Ngọc Nam  | DH13TD  | <i>[Signature]</i> |       | 0,5       | 1,0       | 1,3  | 2,8            | ○○1●23456789○  | ○1234567●9  |
| 13  | 13153155 | Nguyễn Hoài Nam  | DH13CD  |                    |       |           |           |      |                | ○○123456789○   | ○123456789  |
| 14  | 14153032 | Nguyễn Thanh Nam | DH14CD  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,5       | 2,3  | 4,8            | ○○1234●56789○  | ○1234567●9  |
| 15  | 14118216 | Nguyễn Nhật Phi  | DH14CK  | <i>[Signature]</i> |       | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | ○○1234●56789○  | ○1234●56789 |





Mã nhận dạng 04140



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_04 - 001\_DH14CK\_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi PV315

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký      | Số tờ | D1 % | D2 % | Đ.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|-------------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 14118053 | Ngô Tấn Phúc      | DH14CK  | <i>P</i>    |       | 1,0  | 0,5  | 2,5  | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13138163 | Phạm Lưu Phước    | DH13TD  | <i>Phạm</i> |       | 0,5  | 0,3  | 2,0  | 2,8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14118240 | Trịnh Văn Sơn     | DH14CK  | <i>Sơn</i>  |       | 1,0  | 1,0  | 4,0  | 3,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13138181 | Phạm Văn Tâm      | DH13TD  | <i>Phạm</i> |       | 1,0  | 0,5  | 0,3  | 1,8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13115397 | Nguyễn Thị Ý      | DH13GN  | <i>Thị</i>  |       | 1,0  | 0,5  | 1,0  | 2,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 14115125 | Trần Thị Mỹ       | DH14GB  | <i>Thị</i>  |       | 1,0  | 1,0  | 3,5  | 5,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 13115456 | Võ Minh Phương    | DH13GN  | <i>Phạm</i> |       | 0,5  | 1,3  | 2,5  | 4,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14115266 | Phan Thị Băng     | DH14CB  | <i>Phạm</i> |       | 1,0  | 1,0  | 2,0  | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 14118095 | Nguyễn Quốc Vương | DH14CK  | <i>Quốc</i> |       | 1,0  | 1,25 | 4,25 | 6,5         | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

H P :

Vắng

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBC T 1.

CBC T 2

Lê Quang Trí

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_04 - 002\_DH14CK\_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD502

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>20% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên                  | Tổ điểm lẻ                        |
|-----|----------|-------------------|---------|--------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| 1   | 14154001 | Lưu Đức Trường An | DH14OT  |              |       |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 2   | 14118004 | Đổng Văn Bảo      | DH14CK  | <i>Bao</i>   |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 3   | 14118006 | Trần Quốc Bình    | DH14CC  | <i>Tran</i>  |       | 0,5       | 1,0       | 0,5  | 2,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 4   | 13153093 | Phùng Văn Hậu     | DH13CD  | <i>Hau</i>   |       | 1,0       | 0,8       | 2,5  | 4,3            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 5   | 14118168 | Nguyễn Thái Học   | DH14CK  | <i>Hoc</i>   |       | 1,0       | 1,5       | 2,3  | 4,8            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 6   | 14118177 | Phạm Ngọc Hưng    | DH14CK  | <i>Hung</i>  |       | 1,0       | 1,0       | 1,3  | 3,3            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 7   | 13154029 | Huỳnh Vũ Kiệt     | DH13OT  | <i>Kiet</i>  |       | 1,0       | 1,5       | 4,0  | 6,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 8   | 13115071 | Dương Công Minh   | DH13CB  | <i>Minh</i>  |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 9   | 13138128 | Nguyễn Tiến Ngọc  | DH13TD  | <i>Ngoc</i>  |       | 1,0       | 0,5       | 1,5  | 3,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 10  | 13138130 | Nguyễn Thúc Lâm   | DH13TD  |              |       |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 11  | 12137034 | Vô Thanh Nhanh    | DH12NL  |              |       |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 12  | 13138141 | Nguyễn Huỳnh      | DH13TD  | <i>Huynh</i> |       | 1,0       | 1,0       | 1,0  | 3,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 13  | 13154047 | Hà Anh Quân       | DH13OT  | <i>Quan</i>  |       | 1,0       | 1,0       | 3,5  | 5,5            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |
| 14  | 14118058 | Hà Trọng Quốc     | DH14CK  | <i>Quoc</i>  |       | 1,0       | 1,25      | 1,25 | 4,0            | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ |
| 15  | 13154165 | Nguyễn Duy Quyền  | DH13OT  |              |       |           |           |      |                | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ | ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○   |





Mã nhận dạng 04141



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_04 - 002\_DH14CK\_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD502

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 14154045 | Mai Xuân Sanh     | DH14OT  |        |       | 1,0  | 1,0  | 2,0  | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14118246 | Trần Văn Tài      | DH14CK  |        |       | 1,0  | 1,0  | 1,3  | 3,3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14118066 | Hoàng Phước Thiên | DH14CK  |        |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13118060 | Phạm Quang Trung  | DH13CK  |        |       | 1,0  | 1,0  | 2,0  | 4,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13153261 | Trương Văn Tuy    | DH13CD  |        |       | 1,0  | 1,0  | 3,5  | 5,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13138255 | Phùng Anh Vĩ      | DH13TD  |        |       | 0,0  | 1,3  | 1,5  | 2,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 14118312 | Hà Thành Vĩ       | DH14CK  |        |       | 1,0  | 1,0  | 2,5  | 4,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13138256 | Nguyễn Lê Nhật Vũ | DH13TD  |        |       | 1,0  | 1,0  | 4,0  | 6,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13154069 | Nguyễn Tuấn Vũ    | DH13OT  |        |       |      |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |

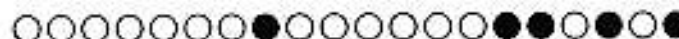
Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_05 - 001\_DH14CK\_05

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

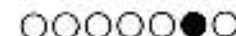
Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14118001 | Bùi Văn An          | DH14CK  | An     |       | 1,0       | 1,0       | 2,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13115149 | Phạm Tuấn Anh       | DH13GN  | Tuanb  |       | 1,0       | 0,75      | 1,75 | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13118081 | Trần Thế Bình       | DH13CC  | Tranb  |       | 0,0       | 0,0       | 1,8  | 1,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 14118007 | Võ Văn Cảnh         | DH14CK  | Tranb  |       | 1,0       | 1,0       | 3,0  | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 14118109 | Đào Hữu Cảnh        | DH14CK  | Tranb  |       | 1,0       | 0,25      | 1,25 | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 14118117 | Lê Tiến Công        | DH14CK  | Cony   |       | 0,5       | 1,0       | 1,5  | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13118092 | Phạm Hùng Cường     | DH13CC  | Cuong  |       | 1,0       | 1,0       | 2,3  | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13153283 | Vũ Quốc Danh        | DH13CD  | Du     |       | 1,0       | 1,5       | 2,5  | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 12344036 | Nguyễn Thành Đạt    | CD12CI  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13334047 | Trần Quốc Đạt       | CD13CI  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 14118139 | Phạm Thành Đạt      | DH14CC  | Tranb  |       | 0,5       | 1,0       | 3,0  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14118141 | Trần Văn Diệp       | DH14CK  | Tranb  |       | 1,0       | 1,0       | 3,5  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14118132 | Nguyễn Vũ Trí Dương | DH14CK  | Tranb  |       | 0,0       | 0,5       | 1,0  | 1,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13118097 | Nguyễn Hoàng Duy    | DH13CK  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 14118128 | Nguyễn Văn Duy      | DH14CK  | Duy    |       | 1,0       | 1,0       | 1,0  | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04149



Trang 2/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_05 - 001\_DH14CK\_05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV   | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ  | D1 %      | D2 % | Đ.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|----------------|---------|--------|--------|-----------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 12154085 | Lê Đình Trường | Giang   | DH12OT | 7.5    | (Cấm thi) |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13118168 | Phạm Văn       | Hùng    | DH13CC |        |           |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14118030 | Nguyễn Đức     | Huy     | DH14CK | 8.5    | 1.0       | 0.3  | 1.5  | 2.8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14118033 | Đặng Phú       | Khánh   | DH14CK |        |           |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13137079 | Phan Đặng Tuấn | Khôi    | DH13NL | 8.5    | 1.0       | 0.3  | 1.0  | 2.3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 14118034 | Đinh Đức       | Kiên    | DH14CK | 6.5    | 1.0       | 1.0  | 2.0  | 4.0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13118022 | Trần Anh       | Kiệt    | DH13CC | 8.5    | 1.0       | 1.0  | 3.0  | 5.0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 14115060 | Lê Thị Thái    | Lê      | DH14CB | Thái   | (Cấm thi) |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 14153027 | Nguyễn Phan    | Lợi     | DH14CD | 8.5    | 1.0       | 1.25 | 3.25 | 6.0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 14118192 | Lê Thành       | Long    | DH14CK | Long   | 1.0       | 1.0  | 2.0  | 4.0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13153152 | Đặng Hoàng     | Nam     | DH13CD | 8.5    | 1.0       | 1.0  | 0.8  | 2.8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 14118040 | Hoàng Vương    | Nam     | DH14CC | Vương  | 0.5       | 1.5  | 3.8  | 5.8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 14118207 | Nguyễn Lê      | Nguyễn  | DH14CK | Nguyễn | 0.5       | 1.0  | 1.8  | 3.3         | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13153172 | Nguyễn Tiến    | Phong   | DH13CD | phong  | 1.0       | 0.25 | 1.25 | 2.5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 14118230 | Vũ Văn         | Phước   | DH14CK |        |           |      |      |             | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04149



Trang 3/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_05 - 001\_DH14CK\_05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|---------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13153181 | Nguyễn Hoàng Phương | DH13CD  | <i>Phuong</i> |       | 0,5     | 0,75    | 2,75 | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 14118056 | Đinh Hồng Quân      | DH14CK  |               |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 13138171 | Lê Tuấn Sang        | DH13TD  | <i>lts</i>    |       | 1,0     | 0,8     | 4,5  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 13137123 | Nguyễn Đức Tâm      | DH13NL  | <i>nam</i>    |       | 1,0     | 1,0     | 2,3  | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 12344175 | Phạm Ngọc Tấn       | CD12CI  |               |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 14118068 | Nguyễn Quốc Thiện   | DH14CK  | <i>thien</i>  |       | 0,0     | 0,0     | 0,3  | 0,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 14118069 | Nguyễn Văn Thiện    | DH14CK  | <i>thien</i>  |       | 1,0     | 1,3     | 2,0  | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 13118290 | Phạm Quốc Truyền    | DH13CK  | <i>nguyen</i> |       | 1,0     | 1,5     | 3,0  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 39  | 13154186 | Lữ Minh Tiến        | DH13OT  | <i>loz</i>    |       | 1,0     | 1,5     | 4,0  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 40  | 13118313 | Đặng Xuân Trọng     | DH13CK  | <i>pham k</i> |       | 1,0     | 1,5     | 3,5  | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 41  | 13118324 | Phạm Ngọc Truyền    | DH13CC  |               |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 42  | 14118086 | Nguyễn Công Tuấn    | DH14CK  | <i>tuấn</i>   |       | 1,0     | 1,3     | 3,5  | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 43  | 13138240 | Phạm Anh Tuấn       | DH13TD  | <i>anh</i>    |       | 1,0     | 1,3     | 2,5  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 44  | 14118305 | Trương Thanh Tùng   | DH14CK  | <i>trung</i>  |       | 1,0     | 0,75    | 1,75 | 3,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 45  | 13138249 | Nguyễn Khánh Tường  | DH13TD  | <i>truong</i> |       | 1,0     | 1,0     | 3,8  | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04149



Trang 4/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14CK\_05 - 001\_DH14CK\_05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH130T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 46  | 13154204 | Trần Phước      | Tường   | DH130T |       | 0,0     | 1,5     | 1,8  | 3,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 47  | 13153269 | Võ Thành        | Vân     | DH13CD |       | 1,0     | 1,0     | 3,5  | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 48  | 13154068 | Phạm Hiền       | Vinh    | DH130T |       | 1,0     | 1,5     | 3,3  | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 49  | 14118093 | Trần Phước      | Vinh    | DH14CK |       | 1,0     | 1,0     | 4,5  | 6,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 50  | 14118311 | Trần Xuân       | Vinh    | DH14CK |       | 1,0     | 1,5     | 6,5  | 9,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 51  | 13154070 | Nguyễn Võ Hoàng | Vũ      | DH130T |       | 1,0     | 1,0     | 4,5  | 3,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 52  | 14118314 | Lương Trọng     | Vũ      | DH14CK |       | 1,0     | 1,0     | 5,0  | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14GB\_06 - 001\_DH14GB\_06

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

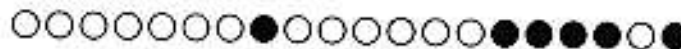
Phòng Thi RD304

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>20% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13138027 | Bùi Minh Bảo      | DH13TD  |        |       | 0,0       | 0,5       | 0,5  | 1,0            | 000234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13137019 | Nguyễn Văn Bình   | DH13NL  |        |       | 1,0       | 1,5       | 0,8  | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13138030 | Trần Huy Chương   | DH13TD  |        |       | 1,0       | 1,0       | 0,5  | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13115025 | Trần Quang Định   | DH13CB  |        |       | 0,5       | 1,0       | 2,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13137052 | Huỳnh Tấn Hạnh    | DH13NL  |        |       | 1,0       | 1,3       | 1,0  | 3,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13138076 | Võ Minh Hòa       | DH13TD  |        |       | 1,0       | 1,5       | 3,0  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13334075 | Nguyễn Huy Hoàng  | CD13CI  |        |       | 0,5       | 1,5       | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13118152 | Bùi Văn Hợp       | DH13CC  |        |       | 1,0       | 1,5       | 4,5  | 7,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13153108 | Bân Thế Hồng      | DH13CD  |        |       | 1,0       | 1,0       | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13115232 | Cáp Hữu Hùng      | DH13CB  |        |       | 1,0       | 0,0       | 1,5  | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 14114403 | Thị Phú Khôi      | DH14GB  |        |       | 0,5       | 0,0       | 0,0  | 0,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13118186 | Đào Xuân Khôi     | DH13CK  |        |       | 1,0       | 1,5       | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14154031 | Đặng Văn Long     | DH14OT  |        |       | 1,0       | 1,5       | 4,0  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 13334114 | Nguyễn Thành Luân | CD13CI  |        |       |           |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13118209 | Đỗ Văn Minh       | DH13CK  |        |       | 1,0       | 1,0       | 1,0  | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |





Mã nhận dạng 04157



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GB\_06 - 001\_DH14GB\_06

Số Tin Ch 2

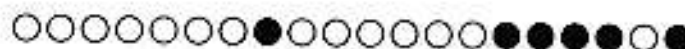
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD304

Lớp DH13GN (Thiết kế đồ gồ nội thất)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|---------|--------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13115072 | Hoàng Triệu Nam        | DH13GN  | <i>Am</i>    |       | 1,0     | 1,0     | 1,3  | 3,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14115439 | Trần Thị Thu Ngân      | DH14GB  | <i>Thu</i>   |       | 1,0     | 1,5     | 4,0  | 6,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 12344172 | Trịnh Hữu Nghĩa        | CD12CI  |              |       |         |         |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13153168 | Nguyễn Hoàng Minh Nhật | DH13CD  | <i>Minh</i>  |       | 1,0     | 1,0     | 3,5  | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13153186 | Trần Minh Quang        | DH13CD  | <i>Quang</i> |       | 0,5     | 0,25    | 2,25 | 4,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13118042 | Phạm Hoàng Quý         | DH13CC  |              |       |         |         |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 12115097 | Trần Mạnh Quyết        | DH12GN  | <i>Quyết</i> |       | 1,0     | 0,10    | 1,3  | 2,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14153124 | Hà Duy Thái            | DH14CD  | <i>Thái</i>  |       | 1,0     | 1,5     | 1,0  | 3,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 14115373 | Nguyễn Đức Thắng       | DH14GB  |              |       |         |         |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 13154053 | Hà Chí Thanh           | DH13OT  | <i>Thanh</i> |       | 1,0     | 1,0     | 0,5  | 2,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 13138199 | Trịnh Việt Thánh       | DH13TD  | <i>Việt</i>  |       | 0,5     | 1,25    | 3,25 | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13138208 | Nguyễn Văn Thiện       | DH13TD  |              |       |         |         |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 14118070 | Đinh Trọng Thọ         | DH14CK  | <i>Thọ</i>   |       | 1,0     | 0,25    | 1,25 | 2,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 14115383 | Nguyễn Thị Thanh Thúy  | DH14GB  |              |       |         |         |      |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 13138220 | Trương Tấn Tính        | DH13TD  | <i>Tính</i>  |       | 1,0     | 1,5     | 3,5  | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 04157



Trang 3/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GB\_06 - 001\_DH14GB\_06

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi RD304

Lớp DH14GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 14115136 | Trần Văn Toàn     | DH14GB  |              |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 13334222 | Từ Hữu Trí        | CD13CI  | <i>Trí</i>   |       | 1,0     | 1,5     | 1,8  | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 13153240 | Nguyễn Công Triển | DH13CD  | <i>Triển</i> |       | 1,0     | 1,5     | 3,3  | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 13118319 | Nguyễn Huy Trung  | DH13CC  | <i>Trung</i> |       | 1,0     | 1,25    | 2,25 | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 14115264 | Trần Anh Tuấn     | DH14GB  |              |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 14115267 | Cà Thị Kim Tuyền  | DH14GN  | <i>Tuyền</i> |       | 1,0     | 1,5     | 1,5  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 12118106 | Phạm Vĩnh Vũ      | DH12CC  | <i>Vũ</i>    |       | 1,0     | 1,0     | 2,3  | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 13115479 | Phan Quốc Vũ      | DH13CB  | <i>Vũ</i>    |       | 1,0     | 1,0     | 2,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày in : 04/01/2016

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

CBCT 2

Cán Đức Lợi

Cán Bùi Xích